

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lâm Bảo Thoa

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
SƠN THỦY**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Lâm Bảo Thoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Lâm Bảo Thoa Mã SV: 1412401385
Lớp : QT1807K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty
cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy.
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Sử dụng số liệu năm 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Lâm Bảo Thoa

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng

GS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

+ Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.

+ Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.

+ Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Lâm Bảo Thoa** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán NVL trong DN: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán NVL trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất áo mưa Sơn Thủy: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán NVL tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất áo mưa Sơn Thủy. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán NVL tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số biện pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 20 tháng 08 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu	3
1.1.1. Khái niệm:	3
1.1.2. Đặc điểm:	3
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu:	3
1.1.4. Nguyên tắc hạch toán nguyên vật liệu:	4
1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu:	4
1.1.6. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu:	5
1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:	7
1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:	10
1.3.1. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:	11
1.3.2. Theo phương pháp kê khai thường xuyên:	14
1.4. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán:	17
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SƠN THỦY	23
2.1. Giới thiệu về Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy	23
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:	23
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ:	25
2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh	25
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy	26
2.1.7. Tổ chức bộ máy kế toán:	32
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần thương mại và sản xuất Sơn Thủy	33
2.2.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty	33
2.2.1.1: Đặc điểm:	33
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu:	33
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng:	34
2.2.1.4. Chứng từ sử dụng:	35
2.2.1.5. Phương pháp đánh giá nguyên vật liệu	35

2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công Ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy	49
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SƠN THỦY	53
3.1. Đánh giá chung về công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty	53
3.1.1. Ưu điểm.....	53
3.1.2. Những mặt hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.....	55
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần áo mưa Sơn Thủy	56
3.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu.....	56
3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ	58
3.4. Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán	58
KẾT LUẬN	63

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	8
Sơ đồ 1.2. Kế toán chi tiết theo phương pháp sổ số dư	9
Sơ đồ 1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp	10
Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì.	13
Sơ đồ 1.5. Kế toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	16
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán nhật kí chứng từ.....	18
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật kí sổ cái	20
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật kí chung.....	21
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán trên máy vi tính	22
Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy	26
Sơ đồ 2.2. Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy	31
Sơ đồ 2.3. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Sơn Thủy	32
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty theo phương pháp thẻ song song.....	36
Sơ đồ 2.5: Theo hình thức kế toán nhật kí chung	50

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Bảng 2.1. Phiếu xuất kho	38
Bảng 2.2. Phiếu xuất kho	39
Bảng 2.3. Trích hóa đơn GTGT ngày 08/11/2016	40
Bảng 2.4. Trích hóa đơn GTGT ngày 12/11/2016	41
Bảng 2.5. Phiếu nhập kho ngày 08/11/2016	42
Bảng 2.6. Phiếu nhập kho ngày 12/11/2016	43
Bảng 2.7. Thẻ kho	44
Bảng 2.8. Thẻ kho	45
Bảng 2.9. Sổ chi tiết nguyên liệu	46
Bảng 2.10. Sổ chi tiết nguyên liệu	47
Bảng 2.11. Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu.....	48
Bảng 2.12. Sổ cái 152.....	52
Bảng 3.1: Sổ danh điểm vật liệu	57
Bảng 3.2. Sổ giao nhận chứng từ	58

LỜI MỞ ĐẦU**❖ Lý do chọn đề tài**

Không còn là thời kỳ kinh tế tự cung, tự cấp như trước đây nữa, ngày nay, nước ta đang từng bước phát triển kinh tế thị trường, dần dần hoàn thiện mình để sánh kịp các quốc gia trên thế giới. Sau khi hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty liên doanh, liên kết ngày càng xuất hiện nhiều khiến cho sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt hơn. Các doanh nghiệp trong nước muốn tồn tại và phát triển phải có những chiến lược và định hướng lâu dài, đảm bảo kinh doanh có lãi.

Trong những thay đổi đó, công tác kế toán là một lĩnh vực dành được nhiều sự quan tâm ở tất cả các doanh nghiệp. Bởi vì làm tốt công tác hạch toán kế toán đồng nghĩa với việc quản lý tốt đồng vốn, đảm bảo mỗi đồng vốn bỏ ra luôn vì lợi nhuận của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, các doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến bộ máy kế toán, cách thức hạch toán, quản lý và sử dụng.

Để bắt đầu một quá trình sản xuất yếu tố đầu vào là không thể thiếu đối với các doanh nghiệp sản xuất là nguyên vật liệu. Nhận thức nguyên vật liệu là yếu tố không thể thiếu đối với hoạt động SXKD của công ty, các nhà quản lý luôn nỗ lực tìm cách để quản lý nguyên vật liệu một cách tốt nhất từ lúc thu mua đến lúc đưa vào sản xuất. Trong giá thành sản phẩm, giá trị vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn, chỉ cần một biến đổi nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu giảm được chi phí nguyên vật liệu sẽ có tác động không nhỏ đến giá thành, ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu, giảm chi phí bảo quản nguyên vật liệu, giải phóng một số vốn lưu động đáng kể cho công ty.

Hơn nữa, công tác kế toán nguyên vật liệu giúp cho nhà quản lý nắm bắt được thực trạng hoạt động kinh doanh, đưa ra những quyết định đúng đắn giảm thiểu rủi ro khi mua nguyên vật liệu về giá cả, chất lượng, và từ đó luôn đảm bảo sản xuất được sản phẩm với chất lượng cao và ổn định giá cả. Khi doanh nghiệp quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng sẽ tạo được sự tin tưởng của người tiêu dùng, tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường cạnh tranh ngày một gay gắt hiện nay.

Nhận thức rõ được sự quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu trong nền kinh tế thị trường đối với doanh nghiệp, kết hợp giữa lý luận tiếp thu từ nhà trường và quá trình thực tập cùng sự hướng dẫn tận tình của Thạc sỹ Nguyễn

Thị Thúy Hồng em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy”.

❖ **Mục tiêu chọn đề tài**

Mục tiêu của em khi chọn đề tài này là vận dụng lý luận về kế toán nguyên vật liệu đã được học ở trường vào nghiên cứu thực tiễn tại Công ty từ đó phân tích và đưa ra các kiến nghị phù hợp nhằm hoàn thiện thêm công tác kế toán ở Công ty.

❖ **Phương pháp nghiên cứu**

- Tham khảo tài liệu Công ty CP sản xuất và thương mại Sơn Thủy.
- Tham khảo ý kiến của các anh chị kế toán Phòng kế toán của Công ty CP sản xuất và thương mại Sơn Thủy và giáo viên hướng dẫn
- Tham khảo sách, tài liệu, trang web có liên quan đến đề tài cần nghiên cứu

❖ **Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện tại Công ty CP sản xuất và thương mại Sơn Thủy, qua việc tìm hiểu tài liệu và công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.

❖ **Khóa luận bao gồm 3 chương như sau:**

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp
- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP sản xuất và thương mại Sơn Thủy.
- Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu của Công ty CP sản xuất và thương mại Sơn Thủy.

CHƯƠNG 1**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG
DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu****1.1.1. Khái niệm:**

- Nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu của doanh nghiệp là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng chủ yếu cho quá trình chế tạo ra sản phẩm. Nguyên vật liệu tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

1.1.2. Đặc điểm:

- Chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới sự tác động của sức lao động và máy móc thiết bị nguyên vật liệu sẽ bị biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành nên thực thể sản phẩm.
- Về mặt giá trị, khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu dịch chuyển một lần toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Nguyên vật liệu được xếp vào tài sản lưu động, giá trị vật liệu thuộc vốn lưu động dự trữ. Nguyên vật liệu không hao mòn dần như tài sản cố định.
- Trong quá trình sản xuất, vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nên việc quản lý quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu có ý nghĩa quan trọng nhằm tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật. Tính toán đúng trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán nguyên vật liệu, phải hạch toán đúng chế độ, đúng phương pháp quy định để đảm bảo sự thống nhất trong công tác kế toán nguyên vật liệu.
- Kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo quản, kế hoạch thu mua nguyên vật liệu từ đó phát hiện ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất.

- Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.
- Kiểm tra ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, đánh giá phân loại tình hình nhập xuất và quản lý nguyên vật liệu.

1.1.4. Nguyên tắc hạch toán nguyên vật liệu:

- Trị giá vật liệu nhập xuất tồn phải theo đúng giá thực tế.
- Vật liệu phải được theo dõi chi tiết cả về mặt giá trị lẫn hiện vật của từng loại vật liệu.
- Vật liệu được dự phòng giảm giá theo chế độ nhà nước quy định.
- Việc hạch toán nguyên vật liệu được áp dụng một trong hai phương pháp là kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu:

a. Phân loại theo công dụng chủ yếu và tính năng sử dụng:

- *Nguyên liệu, vật liệu chính*: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm.

- – *Vật liệu phụ*: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm.

- – *Nhiên liệu*: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- *Vật tư thay thế*: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

- *Phế liệu thu hồi*: Là những loại phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất để sử dụng hoặc bán ra ngoài.

b. Phân loại theo từng nguồn cung cấp.

- Nguyên vật liệu được cấp: là nguyên vật liệu do đơn vị cấp trên cấp cho cấp dưới theo quy định.
- Nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh: là nguyên vật liệu do các bên liên doanh góp vốn theo thỏa thuận hợp đồng liên doanh.
- Nguyên vật liệu mua ngoài: là nguyên vật liệu mà doanh nghiệp mua bên ngoài từ các nhà cung cấp.
- Vật liệu tự chế biến: là vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.
- Vật liệu thuê gia công ngoài: là loại vật liệu thuê các cơ sở gia công làm nên.

c. Phân loại theo cách khác:

- Nguyên vật liệu chính dùng cho chế tạo sản phẩm và sản xuất.
- Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: phục vụ quản lý ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất, cho nhu cầu bán hàng, quản lý doanh nghiệp...

1.1.6. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu:**a. Đối với nguyên vật liệu nhập kho**

➤ *Giá gốc NVL nhập kho mua ngoài:*

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho do} \\ \text{mua ngoài} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn lại} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{thực tế} \end{array} - \begin{array}{r} \text{CKTM, giảm} \\ \text{giá hàng mua,} \\ \text{hàng mua trả lại.} \end{array}$$

➤ *Vật tư tự gia công, chế biến tính theo giá thành sản xuất thực tế.*

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế nhập} \\ \text{kho do tự chế biến} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thực tế vật liệu xuất} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí chế biến} \end{array}$$

➤ *Vật tư thuê ngoài gia công chế biến*

$$\begin{array}{r} \text{Giá vật tư thuê ngoài} \\ \text{gia công chế biến} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá TT vật tư xuất} \\ \text{thuê gia công chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{CPPS liên quan tới} \\ \text{gia công chế biến} \end{array}$$

➤ *Giá gốc nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh*

$$\text{Giá thực tế nhập kho do nhận góp vốn} = \text{Giá thoả thuận giữa các bên tham gia góp vốn} + \text{Chi phí liên quan}$$

➤ *Vật tư được cấp*

$$\text{Giá thực tế vật tư được cấp} = \text{Giá ghi trên biên Bản bàn giao} + \text{CPPS liên quan tới quá trình tiếp nhận đầu tư}$$

➤ Phế liệu thu hồi tính theo giá trị thu hồi tối thiểu hoặc giá ước tính có thể sử dụng được.

b. Đối với nguyên vật liệu xuất kho :

➤ *Phương pháp tính bình quân gia quyền:* Theo phương pháp này, trị giá nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ được tính theo đơn giá bình quân.

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ} = \frac{\text{Giá trị NVL tồn ĐK} + \text{giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn ĐK} + \text{số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

- Ưu điểm:

Đơn giản dễ làm chỉ cần tính toán vào 1 lần cuối kì.

- Nhược điểm:

Độ chính xác không cao.

Công việc dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các nhiệm vụ khác.

➤ *Phương pháp bình quân liên hoàn:* Sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân.

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá NVL tồn ĐK} + \text{trị giá NVL nhập trước lần xuất thứ } i}{\text{Số lượng NVL tồn ĐK} + \text{số lượng NVL nhập trước lần xuất thứ } i}$$

- Ưu điểm: Phương pháp này cho biết giá hàng hóa xuất kho chính xác, phản ánh được kịp thời sự biến động của giá cả hàng tồn kho, công việc tính giá được tiến hành đều đặn

- Nhược điểm: tốn khá nhiều công sức và phải tính toán nhiều lần.

➤ *Phương pháp nhập trước - xuất trước:*

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

➤ *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này khi nguyên vật liệu xuất kho thuộc lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

Phương pháp này được áp dụng đối với đơn vị có ít loại mặt hàng, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được. Khi xuất kho nguyên vật liệu doanh nghiệp chỉ định rõ giá xuất.

➤ *Phương pháp bán lẻ:*

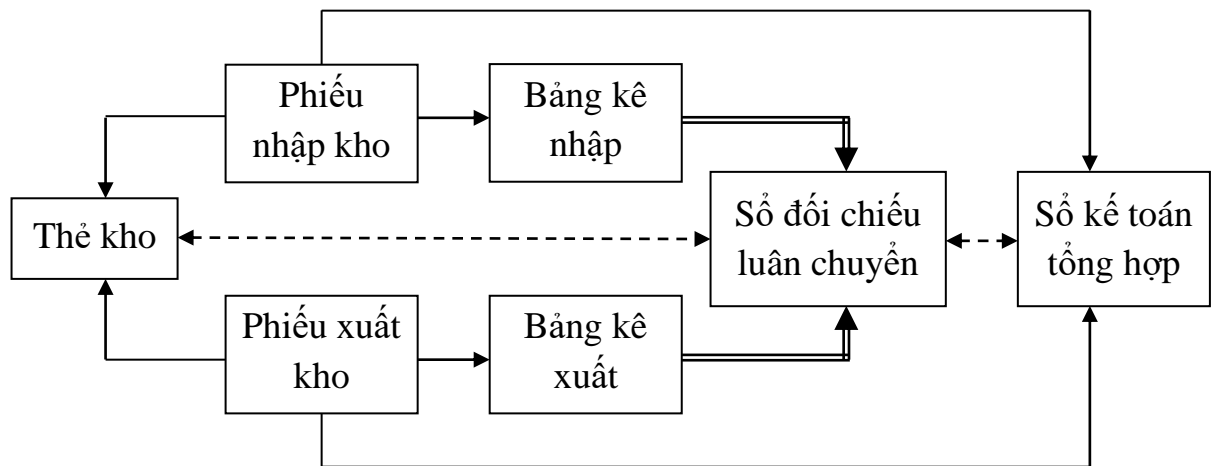
Thông tư 200 bổ sung 1 kỹ thuật mới xác định giá trị hàng tồn kho đó là phương pháp giá bán lẻ. Đối với các ngành hàng bán lẻ, mỗi khi xuất hàng ra, chúng ta làm bút toán xác định giá vốn thì không thể kịp được, ngày Tết vào siêu thị, các bạn thấy siêu thị mặc dù đã bố trí rất nhiều quầy thanh toán nhưng do số lượng quá đông nên chúng ta vẫn phải xếp hàng tiếp tục chờ đợi thanh toán nửa tiếng đến cả tiếng đồng hồ, khi thanh toán chúng ta thấy tờ hóa đơn rất dài, nếu siêu thị mỗi lần xuất hàng và làm bút toán xác định giá vốn thì rất nhiều và không thể ghi kịp các bút toán này. Chính vì thế đối với các ngành hàng kinh doanh bán lẻ như siêu thị, các công ty xăng dầu bán lẻ cho từng khách hàng thì họ không thể áp dụng kỹ thuật tính giá bình thường mà phải áp dụng kỹ thuật mới gọi là “Phương pháp giá bán lẻ” để xác định tồn kho cuối kỳ và tồn kho xuất trong kỳ

1.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

a. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

➤ *Trình tự ghi chép:*

**Sơ đồ 1.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp
sổ đối chiếu luân chuyển**

Ghi chú:

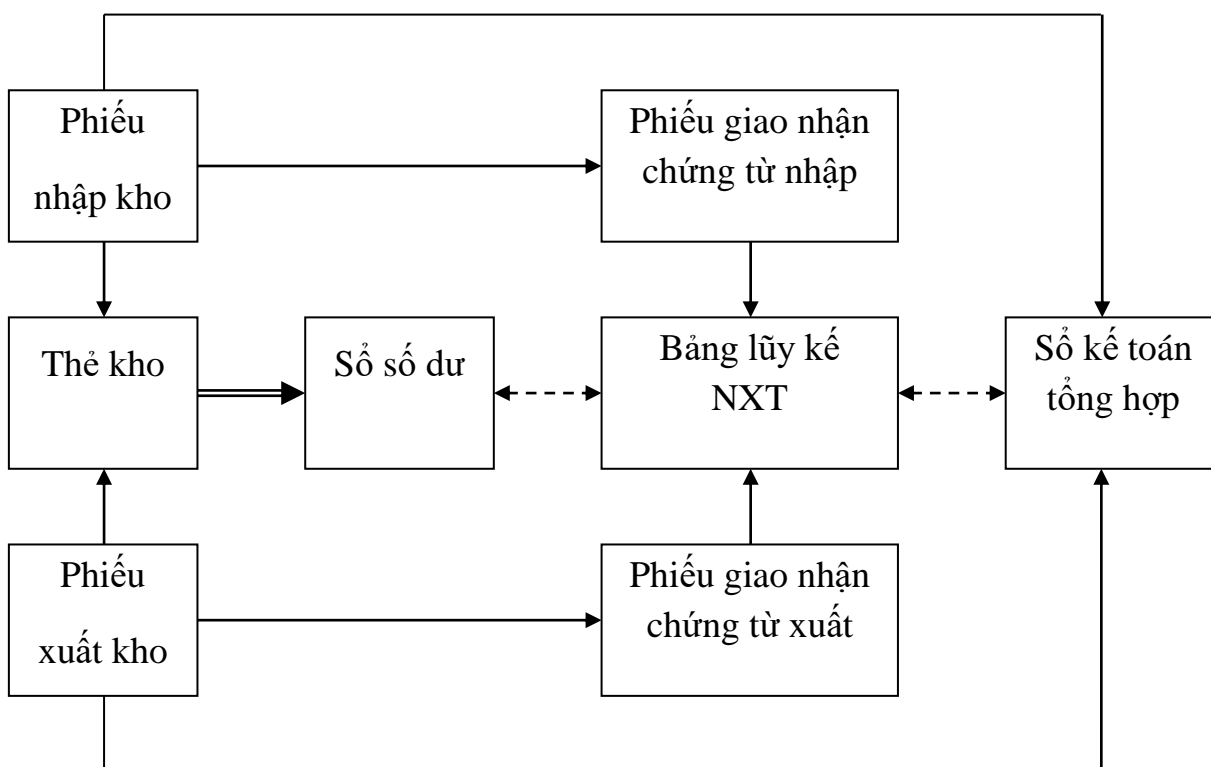
- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối kỳ
- ←---→ Đối chiếu, kiểm tra

➤ Nhận xét:

- Phương pháp này dễ kiểm tra đối chiếu, nhưng việc ghi chép vẫn còn trùng lặp về chi tiết số lượng, giữa thủ kho và phòng kế toán, làm tăng chi phí kế toán, mặt khác công việc được dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho quản lý vì vậy phương pháp này chỉ nên áp dụng cho doanh nghiệp có quy mô nhỏ, mật độ nhập xuất ít.

b. Phương pháp sổ số dư:

➤ Trình tự ghi chép:

Sơ đồ 1.2. Kế toán chi tiết theo phương pháp sổ số dưGhi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối kỳ	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

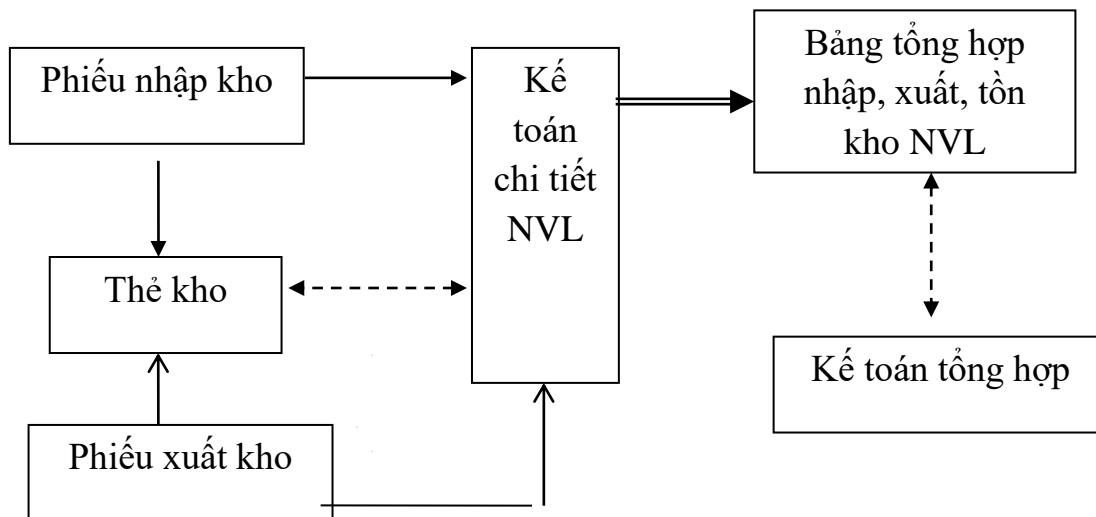
➤ Nhận xét:

- Phương pháp này giảm bớt được việc ghi chép và thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên đối với ghi chép của thủ kho trên thẻ kho, công việc được dàn đều trong tháng. Tuy nhiên, để có thông tin về tình hình nhập- xuất- hiện còn của thứ nguyên vật liệu nào đó cần phải căn cứ vào số liệu trên thẻ kho. Khi cần lập báo cáo tuần, kỳ về vật tư phải căn cứ vào số liệu trên thẻ kho. Khi kiểm tra số liệu, nếu phát hiện sự không khớp đúng giữa số liệu trên sổ số dư với số liệu tương ứng trên bảng kê thì việc tìm kiếm rất phức tạp.

c. Phương pháp thẻ song song.

➤ Trình tự ghi chép:

Sơ đồ 1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

**Ghi chú :**

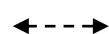
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động thuộc hàng tồn kho của Doanh nghiệp, nó được nhập, xuất kho thường xuyên liên tục. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm của NVL của từng doanh nghiệp có các phương pháp kiểm kê khác nhau. Có doanh nghiệp kiểm kê theo từng nghiệp vụ nhập – xuất, nhưng cũng có những doanh nghiệp chỉ kiểm kê một lần vào thời điểm cuối kỳ. Tương ứng với hai phương pháp kiểm kê trên, trong kế toán tổng hợp NVL nói riêng hàng tồn kho nói chung có hai phương pháp:

- Phương pháp kiểm kê định kỳ.
- Phương pháp kê khai thường xuyên.

1.3.1. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**a. Khái niệm:**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ này theo công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất trong} \\ \text{kho kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá hàng nhập} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư hàng hóa nhập kho, xuất kho không theo dõi phản ánh trên tài khoản kế toán hàng tồn kho mà được theo dõi trên một tài khoản riêng là TK 611 : “ Mua hàng”.

Công tác kiểm kê NVL sẽ được tiến hành vào mỗi cuối kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho thực tế làm căn cứ ghi sổ kế toán của các tài khoản hàng tồn kho, đồng thời căn cứ vào giá trị NVL để xác định giá trị NVL xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán tài khoản 611.

❖ **Ưu điểm :**

Phương pháp này giúp khối lượng công việc ghi chép được giảm nhẹ.

❖ **Nhược điểm :**

Độ chính xác của giá trị hàng hoá, vật tư không cao, nó phụ thuộc lớn vào công tác quản lý vật tư, rất có thể xảy ra tiêu cực.

b. Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 611: Mua hàng.

TK 6111: Mua nguyên vật liệu.

TK 6112: Mua hàng hoá.

Kết cấu TK 611:

Nợ	TK 611	Có
<p>-Kết chuyển nguyên vật liệu tồn đầu kỳ.</p> <p>-Giá nguyên vật liệu nhập trong kỳ.</p>	<p>-Kết chuyển nguyên vật liệu tồn cuối kỳ.</p> <p>-Giá NVL xuất ra sử dụng trong kỳ.</p> <p>-Giá NVL mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.</p>	
Tổng cộng phát sinh Nợ		Tổng cộng phát sinh Có

- TK 611 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

TK 611: mua hàng có 2 tài khoản cấp 2

TK 6111: mua nguyên vật liệu.

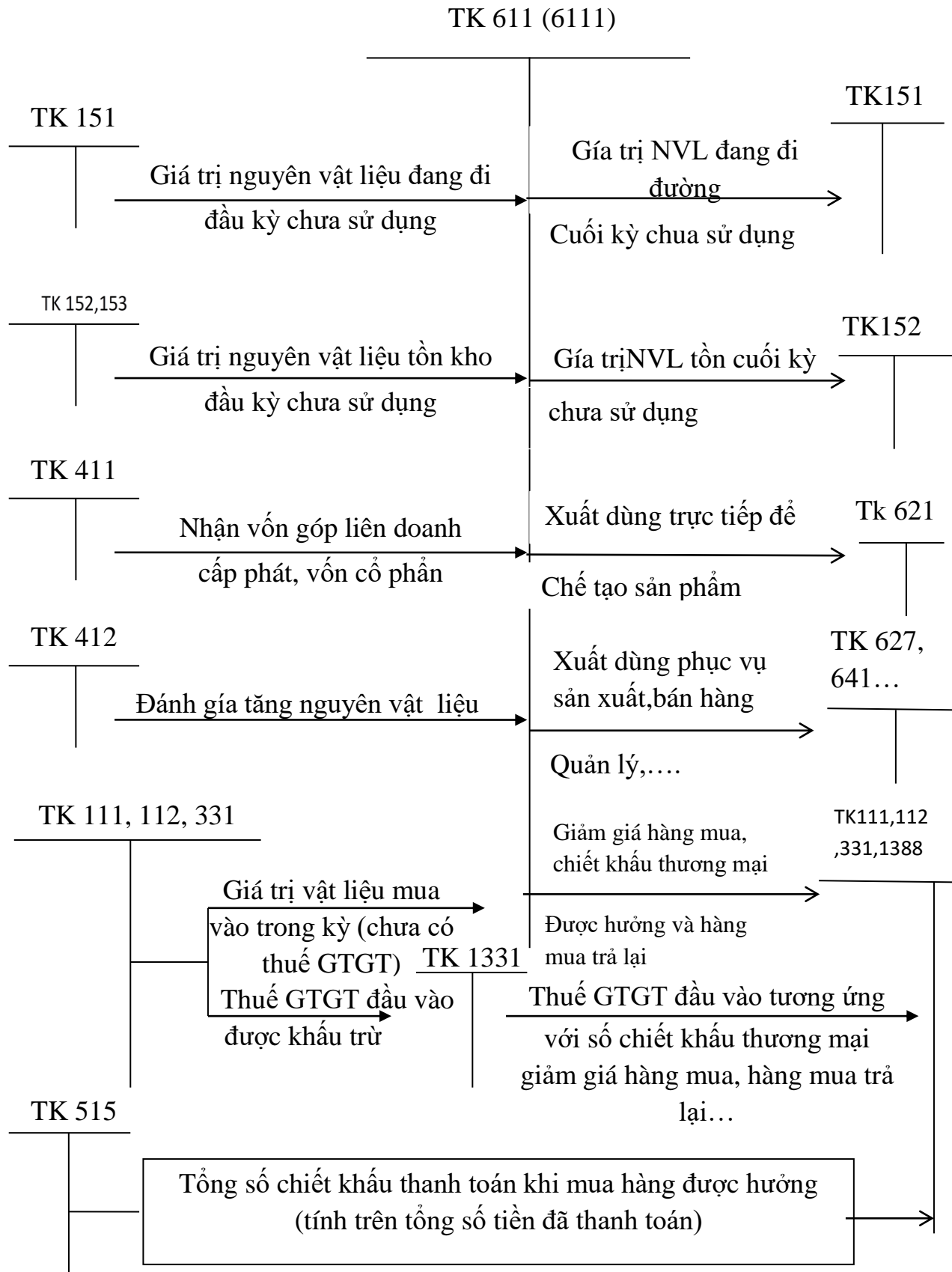
Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu mua vào, xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

Tài khoản 6112 : Mua hàng hóa

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu mua vào, xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì.



1.3.2. Theo phương pháp kê khai thường xuyên:**a. Khái niệm:**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập- xuất – tồn kho vật liệu trên sổ kế toán. Phương pháp kê khai thường xuyên dùng cho các tài khoản kế toán tồn kho nói chung và các tài khoản vật liệu nói riêng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm của vật liệu. Vì vậy, nguyên vật liệu tồn kho được xác định bất cứ lúc nào trong kỳ kế toán.

❖ Ưu điểm:

Theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình Nhập- Xuất- Tồn theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của nguyên vật liệu được chính xác, kịp thời

❖ Nhược điểm;

Đối với nguyên vật liệu công kênh, điều kiện cân đo đong đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán tốn nhiều công sức, phức tạp và phải điều chỉnh số liệu giữa kiểm kê với số liệu tính toán.

b. Tài khoản sử dụng:**➤ Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư (nguyên vật liệu, hàng hóa) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi, kho ngoại quan hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

- Kết cấu tài khoản 151

Nợ	TK 151 – Hàng mua đang đi đường	Có
<u>SDĐK</u> : Trị giá thực tế hàng mua đang đi đường hiện có đầu kỳ.		
Trị giá thực tế hàng mua đang đi đường phát sinh trong kỳ.		Trị giá hàng mua đang đi đường về nhập kho. Trị giá thực tế hàng mua đang đi chuyển bán thẳng.
Σ Số phát sinh ↑		Σ Số phát sinh ↓
<u>SDCK</u> : Trị giá thực tế hàng mua đang đi đường hiện có cuối kỳ.		

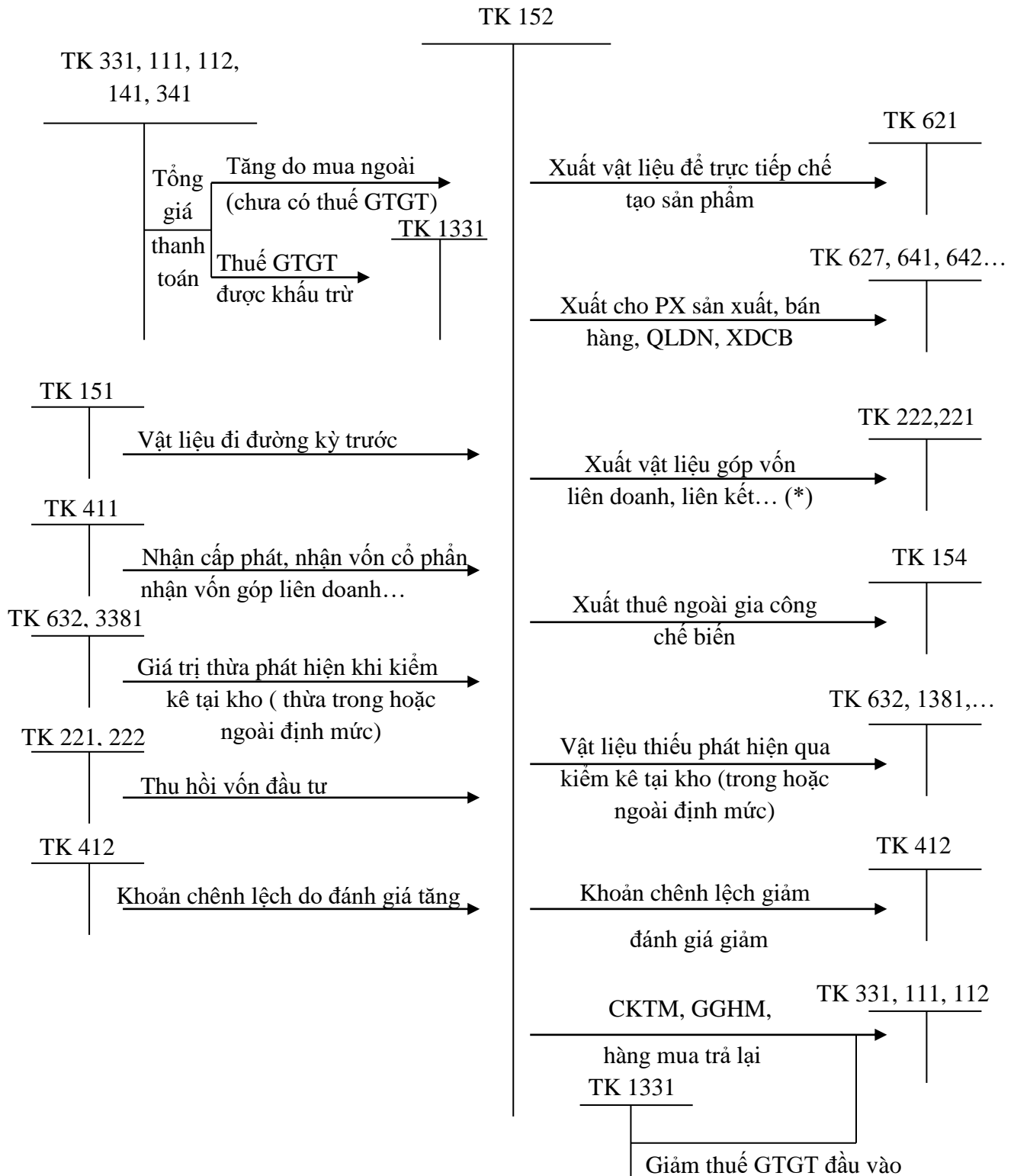
➤ **Tài khoản 152:** Nguyên liệu, vật liệu.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp. Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nợ	TK 152	Có
<p><u>SDDK</u>: Trị giá thực tế nguyên vật liệu hiện có đầu kỳ.</p> <p>Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế,....</p> <p>Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê</p>	<p>Trị giá nguyên vật liệu trả lại cho người bán hoặc được giảm giá hàng mua.</p> <p>Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.</p> <p>Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua .</p> <p>Trị giá thực tế của nguyên, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh....</p>	
Σ Số phát sinh ↑		Σ Số phát sinh ↓
<p><u>SDCK</u>: Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ</p>		

c. Phương pháp hạch toán

➤ Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.5. Kế toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.4. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán:

Theo thông tư 200/2014/TT- BTC có 5 hình thức kế toán:

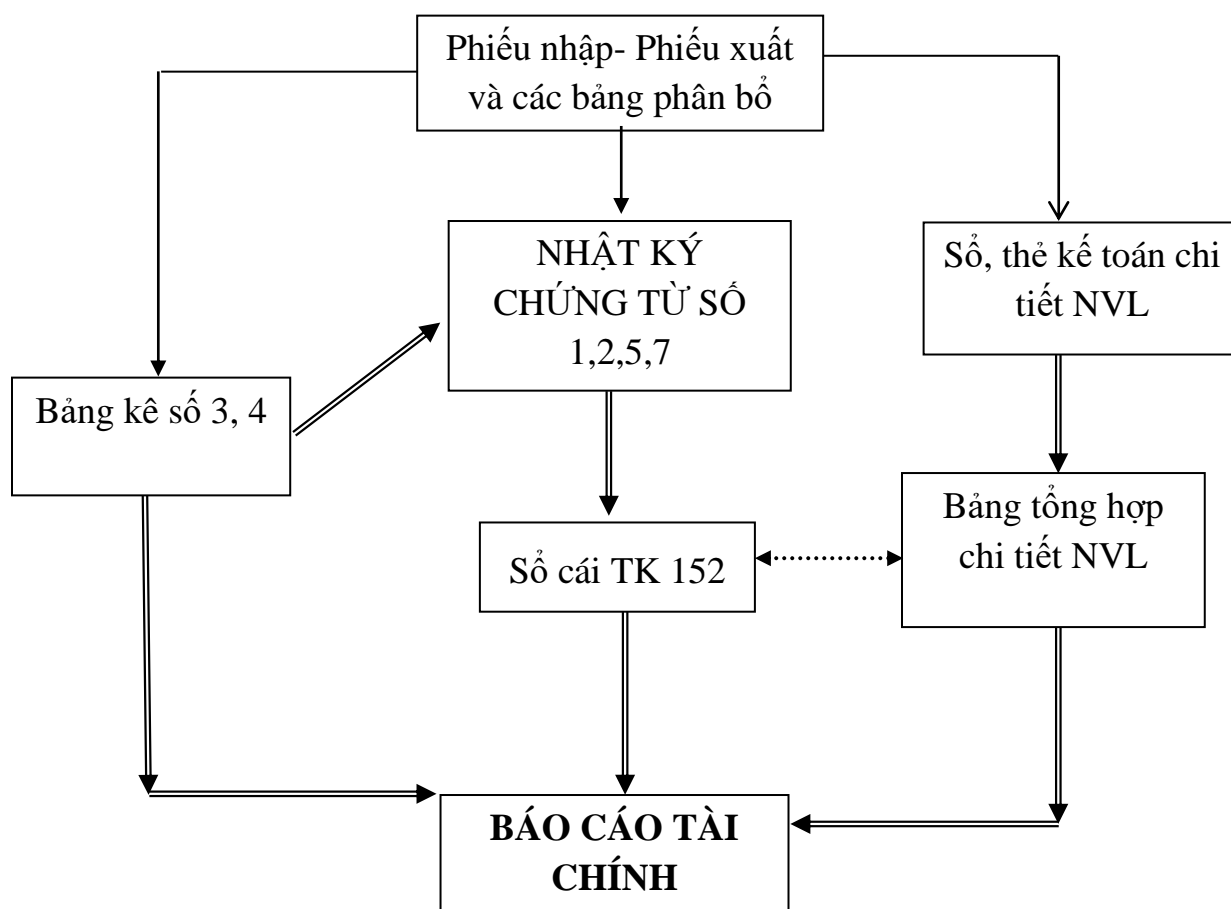
- Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ
- Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy

❖ Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký- Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều hoặc mang tính chất phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký- Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký- Chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký- Chứng từ.

- Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký- Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký- Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký- Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký- Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán nhật kí chứng từ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra
- ====> Ghi cuối tháng

❖ Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái:

- Hàng ngày căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng, PNK, P XK NVL đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác minh các TK ghi Nợ và TK ghi Có để ghi vào nhật ký sổ cái. Số liệu của mỗi hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL được ghi một dòng ở cả hai phần, phần nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp NVL được lập cho những chứng từ như PNK, P XK NVL phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ từ một đến ba ngày.

- Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ các hoá đơn giá trị gia tăng, PNK, P XK NVL , phiếu thu, phiếu chi đã phát sinh trong tháng vào sổ nhật ký

sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số PS ở phần nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng TK 152 ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng PS cuối tháng căn cứ vào số PS tháng trước và số PS tháng này tính ra số PS lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng. Căn cứ vào số dư đầu tháng, đầu quý và số PS trong tháng, kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng TK 152 trên nhật ký sổ cái.

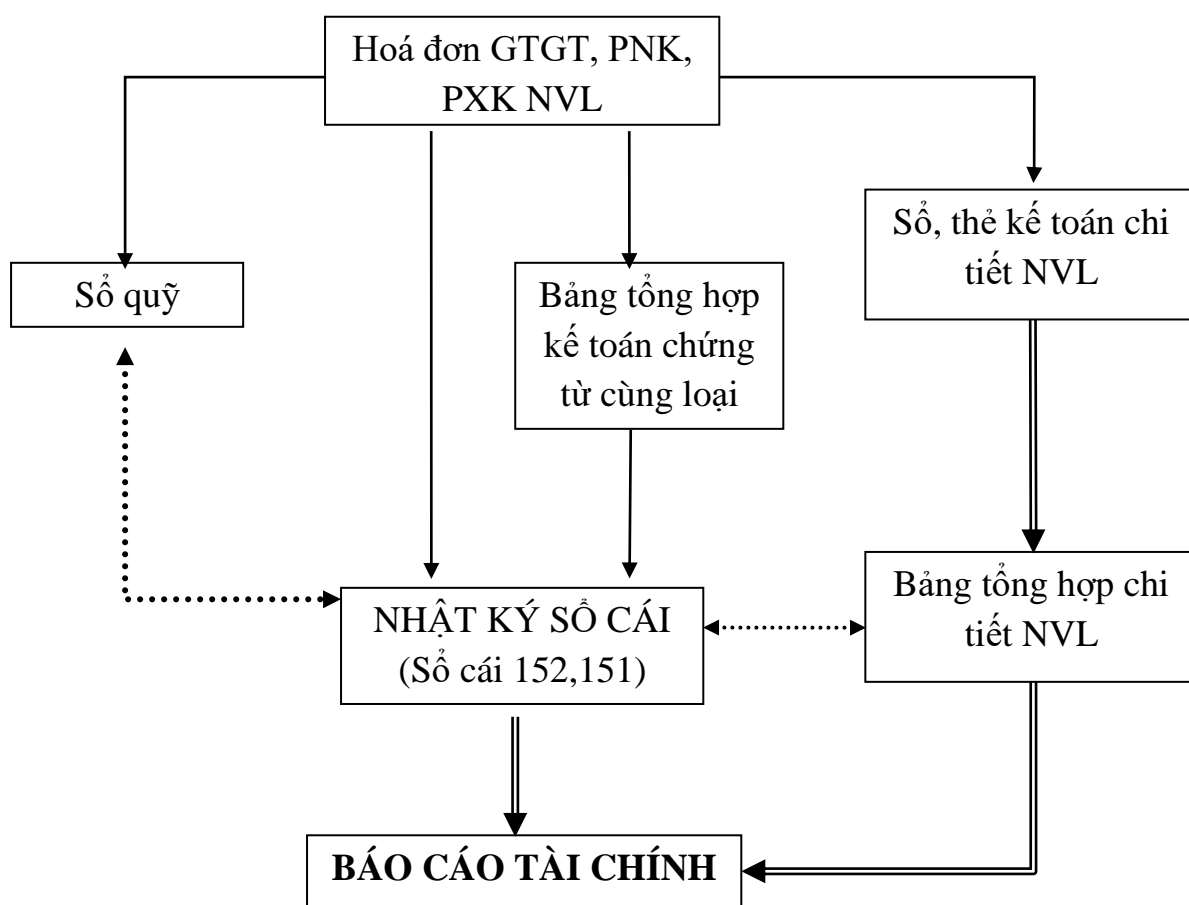
- Khi kiểm tra đối chiếu số cộng cuối tháng, cuối quý trong sổ nhật ký sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{PS ở phần nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số PS Nợ của} \\ \text{tất cả các TK} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số PS Có của} \\ \text{tất cả các TK} \end{array}$$

○ $\text{Tổng số dư Nợ các TK} = \text{Tổng số dư Có các TK}$

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL cũng phải được khoá sổ để cộng số PS Nợ, số PS Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số lượng khoá sổ của các đối tượng lập bảng tổng hợp chi tiết NVL cho TK 152. Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết NVL được đối chiếu với số PS Nợ, số PS Có và số dư cuối tháng của TK 152 trên sổ nhật ký sổ cái

- Số liệu trên sổ nhật ký sổ cái và số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết NVL sau khi đã khoá sổ được kiểm tra đối chiếu nếu khớp và dùng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký sổ cái**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

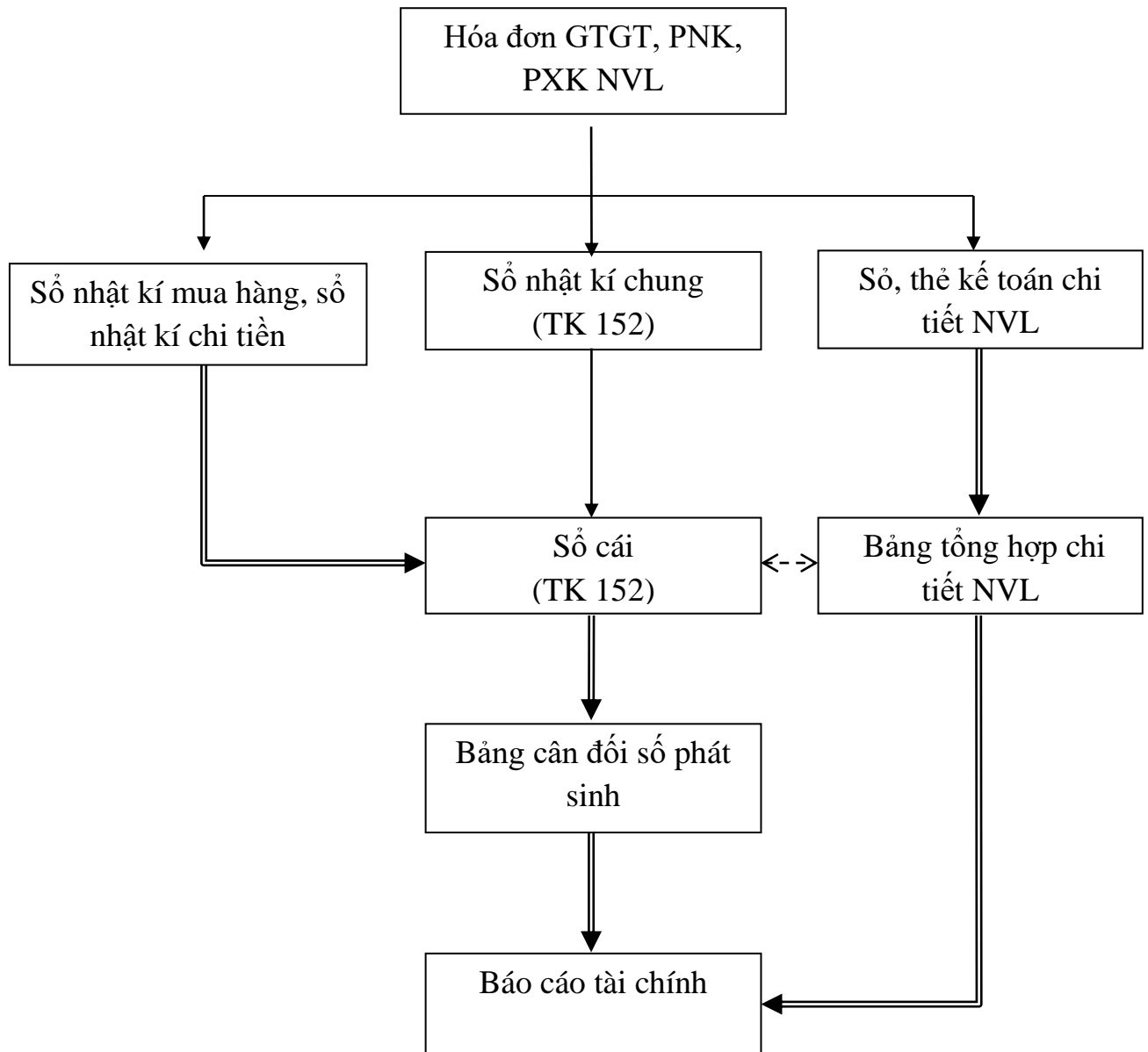
❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Hàng ngày căn cứ vào hoá đơn GTGT, PNK, P XK NVL để ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ NKC. Sau đó căn cứ vào các số liệu đã ghi trên sổ NKC để ghi vào sổ cái TK 152. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL thì đồng thời với việc ghi sổ NKC các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán NVL.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên các sổ cái, TK 152 (TK 611) để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp với số liệu ghi trên sổ cái TK 152(TK 611) và lập bảng tổng hợp chi tiết NVL (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết NVL) được dùng để lập báo cáo tài chính)

- Về nguyên tắc: tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật kí chung.

Sơ đồ 1.8. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức nhật kí chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì \Longrightarrow

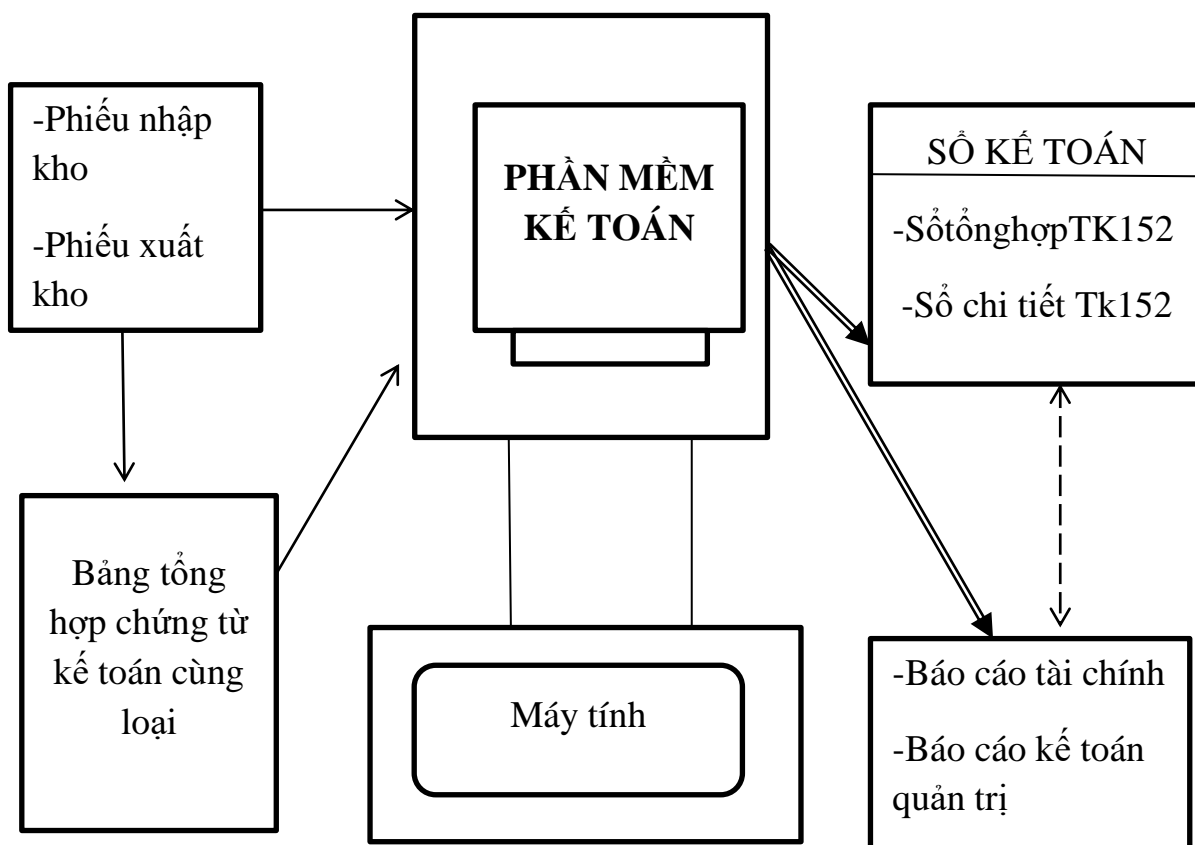
Quan hệ đối chiếu \longleftrightarrow

❖ **Hình thức kế toán trên máy:**

- Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định

- Các loại sổ sử dụng: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay

Sơ đồ 1.9. Sơ đồ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày —————>

Báo cáo cuối tháng, cuối năm, in sổ ══════=>

Đối chiếu kiểm tra <----->

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SƠN THỦY

2.1. Giới thiệu về Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy là một công ty nằm trên địa phận thành phố Hải Phòng, chuyên sản xuất và kinh doanh các mặt hàng quần áo đi mưa cùng các sản phẩm nhựa với thương hiệu uy tín, được người dân nơi đây tin cậy và yêu thích.

Tên gọi : Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy

Văn phòng công ty : Số 136/2 Quang Trung - phường Phan Bội Châu - quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng

Tel: 031 3839237 – 031 3571019

Xưởng sản xuất:

Website : www.sonthuy.com



Bên cạnh việc kinh doanh các sản phẩm quần áo mưa mang thương hiệu Sơn Thủy, công ty còn nhận gia công, kinh doanh các mặt hàng may mặc; đại lý, kí gửi, ủy thác, giao nhận hàng hóa; kinh doanh bất động sản; vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường thủy và đường bộ; sản xuất và kinh doanh trang thiết bị bảo hộ lao động, bao bì, màng nhựa PP, PE, HD, PP, OPP, giày dép, mũ nón, cặp sách, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; kinh doanh hàng tạp hóa, tạp phẩm, đồ gỗ, hàng giả da. Tuy nhiên, doanh thu về mặt hàng quần áo đi mưa chiếm tỉ trọng lớn nhất và làm nên thương hiệu cho công ty trong suốt thời gian qua.

Từ một cơ sở SX nhỏ được thành lập từ năm 1992, nhưng từ khi bước vào SX, Sơn Thủy đã chú trọng ngay tới SP chất lượng cao. Thành lập Công ty năm 2004, hiện nay Công ty đã có những máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện đại của Đài loan, Trung quốc... Với những công nhân viên có tay nghề cao, gắn bó với sự nghiệp của công ty gần 20 năm qua, cùng với hệ thống thiết kế chuyên nghiệp, quản lý chất lượng chặt chẽ, hiện nay trong ngành SX áo mưa tại Việt nam, áo mưa SƠN THỦY là một trong những thương hiệu nổi tiếng được người tiêu dùng tin nhiệm.

Không ngừng đầu tư mở rộng nhà xưởng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân công, tìm kiếm các nguyên vật liệu mới đạt chất lượng tốt, thay đổi mẫu mã phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng, đến nay, DN đạt được nhiều bằng khen về thương hiệu và SP chất lượng tốt: “ Huy chương vàng và chứng nhận danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn ”, kỷ niệm chương của Thời báo kinh tế Việt Nam, “ Cúp vàng thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải đồng bằng Bắc bộ ” Với các cửa hàng, đại lý tại các tỉnh thành:

- Hải Phòng: Các cửa hàng bán buôn trên đường Quang Trung, Phan Bội Châu, các siêu thị và cửa hàng bán lẻ trên toàn thành phố.

- Hải Dương: Đại lý Minh Kiểm – 420 Lê Thanh Nghị

Đại lý Tình Liên – 2135 Mạc Thị Bưởi

- Bắc Giang: Đại lý Tuyên Dân – Kios K2-2 đường Nội Bộ, chợ Thương

- Hà Nội: Đại lý Huyền Sơn – Kios số 2 Chợ Đồng Xuân

Cửa hàng Thăng Hoàn – 16 Hàng Khoai

Đại lý Lan Thành – quầy 385 A1, chợ Đồng Xuân ...

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ:

Mặc dù kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy có chức năng chính là: sản xuất, kinh doanh áo mưa, sản phẩm nhựa PP. Với chức năng đó, công ty đặt ra những nhiệm vụ phải thực hiện như sau:

- Kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng kí
- Chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước
- Chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hạ giá thành và nâng cao chất lượng các sản phẩm áo mưa
- Đào tạo, nâng cao tay nghề nhân viên SX, chăm lo đời sống công nhân viên, đảm bảo cho công nhân viên hết mình trong SX, tăng năng suất lao động và chất lượng SP
- Thực hiện các cam kết với khách hàng và nhà cung cấp
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản khác đối với Ngân sách Nhà nước

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Đặc điểm sản phẩm:**

SP của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy là các SP về áo mưa, bộ mưa, bạt che phủ ô tô, xe máy. Các SP này được sản xuất từ các loại nhựa và vải sợi nilon. Các loại nhựa này công ty không trực tiếp SX được mà mua lại của các công ty khác, còn các loại vải sợi nilon công ty nhập khẩu từ Đài Loan và Trung Quốc.

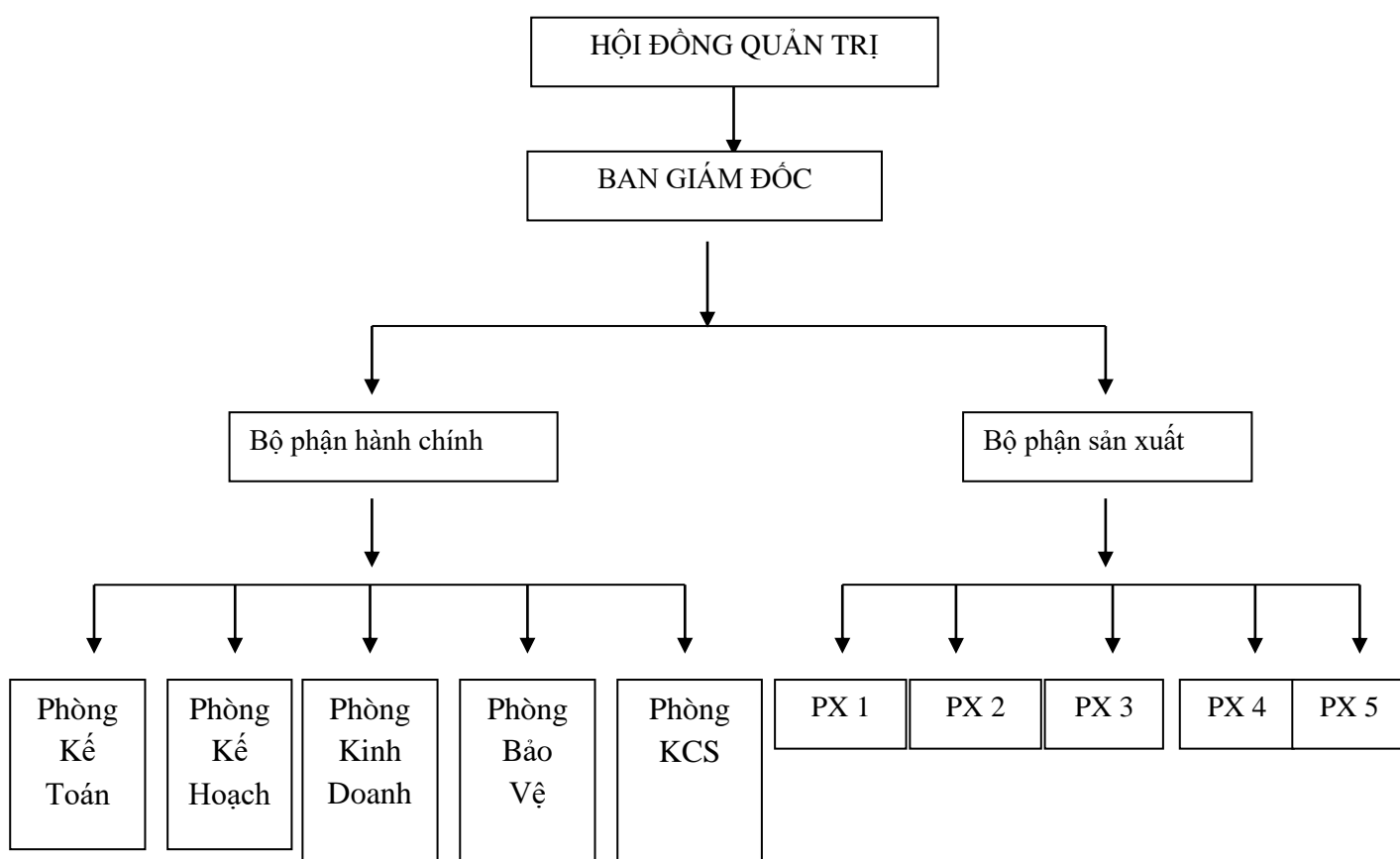
- **Thị trường tiêu thụ:**

Thị trường tiêu thụ chính của công ty hiện nay là thành phố Hải Phòng, chiếm lĩnh gần 80% thị phần về SP áo mưa. Không dừng lại ở đó, trong 3 năm qua công ty đã mạnh dạn đưa sản phẩm của mình xâm nhập vào thị trường các tỉnh như Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Giang, Quảng Trị.... Trong 2 năm tới công ty có kế hoạch xâm nhập vào thị trường miền Nam, một thị trường đầy tiềm năng phát triển.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy

Doanh nghiệp áp dụng cơ cấu bộ máy quản lý theo trực tuyến, nghĩa là nhà quản trị ra.

Quyết định và giám sát trực tiếp với cấp dưới và ngược lại, mỗi người cấp dưới chỉ nhận sự điều hành và chịu trách nhiệm trước một người lãnh đạo trực tiếp cấp trên. Với mô hình tổ chức này, công ty đảm bảo chế độ một thủ trưởng, trách nhiệm rõ ràng, người lãnh đạo phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả công việc của người dưới quyền.

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy

Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban:

- *Hội đồng quản trị (HDQT)*

Là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải được sự nhất trí của hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị bao gồm các cổ đông có vốn góp trong nguồn vốn kinh doanh, đứng đầu Hội đồng quản trị là chủ tịch Hội đồng quản trị

- *Ban giám đốc*

Là đại diện của công ty trước pháp luật, trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả của hoạt động SXKD. Dưới giám đốc có các phó giám đốc phụ trách các bộ phận.

- *Phòng kế toán*

Là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, tham mưu cho giám đốc điều hành công ty trong lĩnh vực quản lý tài chính, giúp giám đốc xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD. Tổ chức hạch toán kế toán và giám sát hoạt động SXKD của công ty theo đúng chuẩn mực và luật kế toán hiện hành nhằm phản ánh kịp thời, chính xác, đầy đủ các hoạt động SXKD của công ty và tình hình tài sản của công ty.

- *Phòng kinh doanh*

Phòng Kinh doanh có nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng để tiêu thụ các loại sản phẩm áo mưa do công ty SX và kinh doanh. Ngoài ra còn có nhiệm vụ thu mua các loại vật tư phục vụ cho việc SX.

- *Phòng KCS (Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm)*

Là một đơn vị quan trọng của công ty, phòng có những nhiệm vụ chính như sau: thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các công đoạn của quy trình công nghệ, giám sát kiểm tra chất lượng SP trước khi xuất xưởng.

- *Các phân xưởng sản xuất*

Các phân xưởng SX là bộ phận quan trọng nhất của công ty, là nơi SX ra các SP áo mưa. Các phân xưởng SX của công ty gồm : phân xưởng cắt, phân xưởng lãn, phân xưởng may, phân xưởng dán, và đóng gói.

2.1.5. Quy trình sản xuất áo mưa:

Để sản xuất một chiếc áo mưa thường trải qua 4 khâu chính.

❖ Cắt vải

-Đây là khâu đầu tiên cũng là khâu cơ bản nhất. Áo mưa cũng như những bộ quần áo khác, cũng được ghép từ những mảnh vải rời được cắt định hình sẵn theo thiết kế.

❖ In ấn logo quảng cáo

-Những sản phẩm áo mưa đưa ra thị trường thông thường sẽ là logo của xưởng sản xuất. Logo sẽ được in tại vị trí bắt mắt, góp phần quảng bá thương hiệu đến khách hàng.

❖ May áo mưa

-Việc ghép một chiếc mưa trùm hay áo mưa bộ thì với những thợ may trong nghề quả là đơn giản, không những phải may một kim, may cuốn, may hai kim mà còn phải ráp mũ áo cho vừa áo, chuẩn bị tem size để gắn lên cổ, khi may phải may thêm đường, nếp ở mũ áo để cho chiếc áo nhìn có vẻ cứng cáp hơn.



Áo mưa bị ngấm nước nguyên nhân chủ yếu là do thấm qua đường chỉ may và các nốt may, một phần còn lại là do ngấm qua vải. Nước dù chỉ một lỗ hồng rất nhỏ cũng thấm vào quần áo bên trong, vậy nên sau khi may xong sẽ để lại những lỗ nhỏ li ti trên áo, nên áo mưa trước khi hoàn thiện cần phải ép nhựa bên trong mỗi đường may để đảm bảo nước không thấm vào bên trong. Dán chống thấm thể hiện công nghệ, kỹ thuật được áp dụng khi sản xuất áo mưa. Dán chống thấm phải chính xác lên trên các đường may, ép phải chắc chắn bằng nguyên liệu tốt nếu không tốt sẽ sớm bị bong tróc.

❖ Kiểm tra, gấp, đóng gói áo mưa

Mỗi chiếc áo mưa được đưa ra thị trường phải trải qua công đoạn kiểm tra nghiêm ngặt về chất lượng may, in ấn sau đó được gấp gọn gàng bỏ vào túi đựng.

2.1.6. Chính sách kế toán đơn vị áp dụng

- *Chế độ kế toán áp dụng* : Theo chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại TT 200 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng bộ Tài chính và các quy định hiện hành tại Việt Nam.

- *Đồng tiền sử dụng trong hạch toán*: Đồng Việt Nam (VNĐ)

- *Niên độ kế toán*: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm

- *Kỳ kế toán năm*: Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

- *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*: Ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

- *Phương pháp tính thuế GTGT*: Phương pháp khấu trừ

- *Phương pháp kế toán hàng tồn kho*:

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc

+ Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Theo phương pháp nhập trước-xuất trước (FiFo).

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên

- *Phương pháp tính khấu hao TSCĐ*: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng

***Sổ kế toán và trình tự ghi sổ kế toán:**

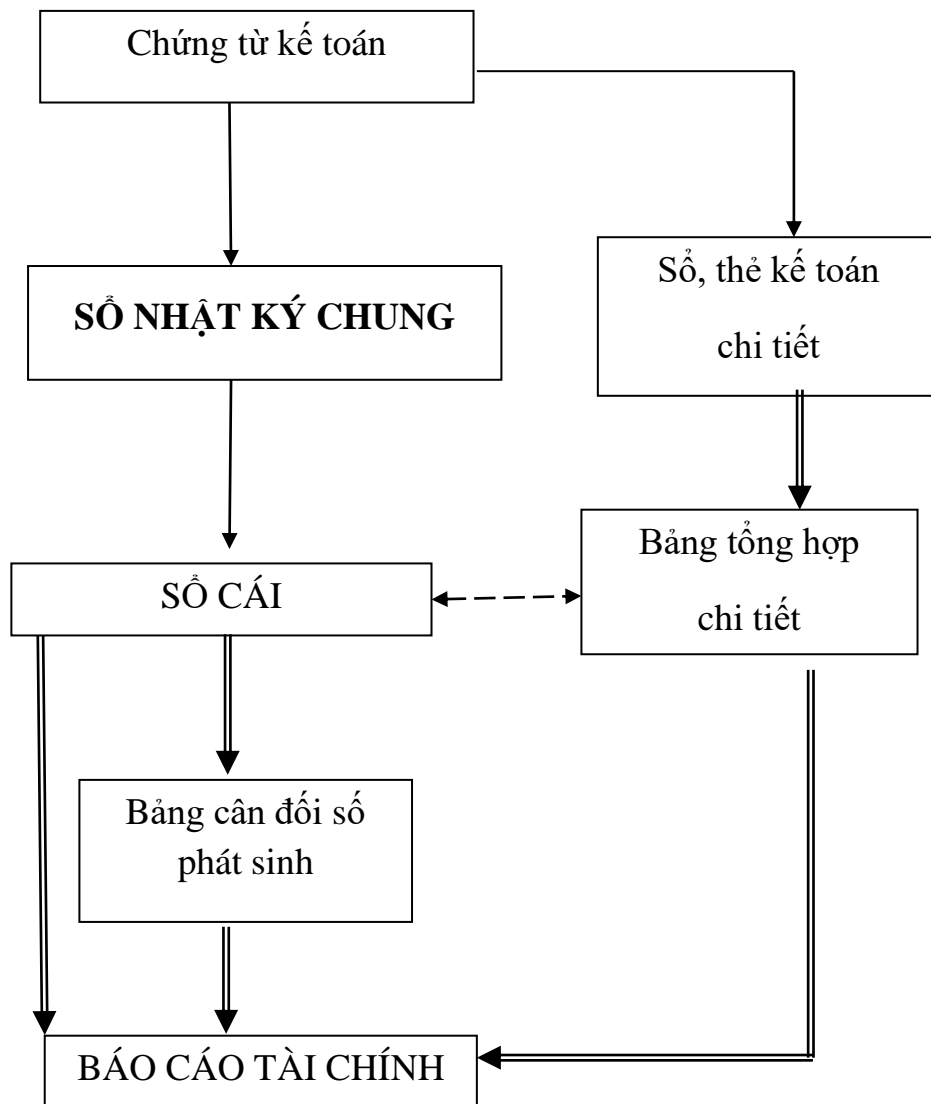
- *Hình thức kế toán*: Hình thức Nhật ký chung

Trình tự ghi sổ như sau:

-Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ NKC kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

-Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 2.2. Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy

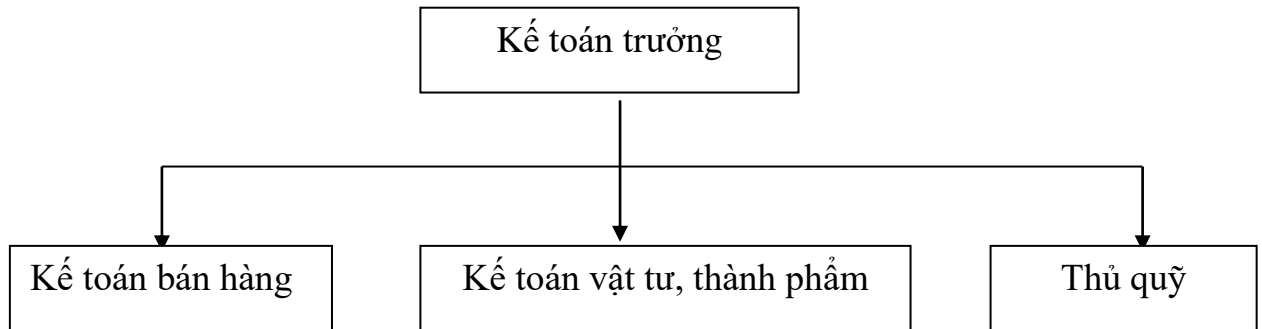


Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra $\leftarrow\text{---}\rightarrow$

2.1.7: Tổ chức bộ máy kế toán:**Sơ đồ 2.3. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Sơn Thủy**

Từ sơ đồ trên, bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, hay còn gọi là tổ chức bộ máy kế toán một cấp. Cụ thể, công việc của từng nhân viên kế toán như sau:

- Kế toán trưởng :

+ Điều hành mọi hoạt động về công tác kế toán của công ty, tổng hợp tất cả các số liệu đã được hạch toán theo từng khâu, kiểm tra độ chính xác để lập bảng cân đối số phát sinh các tài khoản, lập các BCTC, lập báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan nhà nước, tổng hợp chi SX và xác định kết quả kinh doanh.

+ Ghi chép và phản ánh số lượng, hiện trạng giá trị TSCĐ hiện có tại công ty và trích khấu hao TSCĐ.

+ Tính lương cho công nhân dựa vào bảng chấm công và bảng tổng hợp số lượng sản phẩm sản xuất

+ Thuộc quyền của Giám đốc, giúp Giám đốc tổ chức bộ máy kế toán và quản lý hoạt động tài chính của công ty theo đúng luật pháp và quy định hiện hành.

- Kế toán bán hàng:

Theo dõi chi tiết tình hình thanh toán với khách hàng, theo dõi doanh số bán ra hàng tháng. Tổ chức hợp lý hệ thống chứng từ, hệ thống sổ nhằm theo dõi công nợ cho từng khách hàng, từng người bán.

- *Kế toán vật tư, thành phẩm :*

+ Cung cấp thông tin về số lượng, chủng loại, chất lượng các loại vật liệu, công cụ nhập, xuất, tồn theo từng thời điểm, theo giá thực tế, về tình trạng quản lý vật liệu, công cụ trong quá trình sử dụng và dự trữ trên cơ sở định mức tiêu hao, định mức tồn kho nhằm phát hiện tình trạng thừa thiếu vật liệu để đề ra các giải pháp kịp thời.

+ Cung cấp thông tin về số lượng, chủng loại, chất lượng các loại SP để tránh tình trạng thiếu thừa SP. Cung cấp thông tin về giá trị nhập, xuất, tồn theo giá trị thực tế.

- *Thu quỹ :*

Hàng ngày phản ánh tình hình thu chi và tồn quỹ tiền mặt, thường xuyên đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách, phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót trong quản lý và sử dụng tiền mặt. Phản ánh tình hình tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày.

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần thương mại và sản xuất Sơn Thủy

2.2.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.1.1: Đặc điểm:

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy đã trải qua hơn một thập kỉ tỏa sáng và thành công vang dội luôn được khách hàng tín nhiệm. Hàng năm, số lượng sản xuất áo mưa bán ra rất lớn, và nhiều mẫu mã. Vì thế, lượng nguyên vật liệu sử dụng nhiều để sản xuất.

Hầu hết các loại vật liệu đều sử dụng trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất. Qua đó thấy được vai trò quan trọng của nguyên vật liệu.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu:

❖ Phân loại nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất áo mưa có vị trí rất quan trọng trong quá trình sản xuất áo mưa của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy. Nhất là trong điều kiện hiện nay, yêu cầu của thị trường rất cao đối với chất lượng và mẫu mã, vì mẫu mã có đẹp thì mới hấp dẫn người tiêu dùng,

chất lượng áo mưa phải tốt và giá thành hạ thì các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng mới đặt hàng.

- Để phục vụ cho sản xuất công ty đã sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu. Do vậy, công ty phân loại ra nguyên, vật liệu để đảm bảo sử dụng một cách hiệu quả nhất.

Nguyên vật liệu được phân loại theo nội dung kinh tế :

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng lao động chủ yếu của công ty, là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm như: Nhựa PE, nhựa PP từ các hãng uy tín như nhựa Rạng Đông, Phú Lâm. Vải siêu nhẹ siêu bền được nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, có xuất xứ rõ ràng đảm bảo chất lượng
- Nguyên vật liệu phụ:

Trong đó mặt hàng quần áo đi mưa cũng đòi hỏi nhiều loại vật liệu bao bì, bao gồm các loại bao bì chủ yếu sau:

+ Hộp bìa cứng: mỗi bộ quần áo đi mưa được đựng trong một hộp bìa cứng kích cỡ phù hợp, đã in sẵn tên mặt hàng cùng hình ảnh quảng cáo cho mặt hàng đó.

+ Thùng bìa Carton: mỗi thùng đựng 10 bộ quần áo đi mưa cùng loại (bộ K5, bộ K10, bộ K11 ...)

+ Túi bóng loại 15kg, 20kg: dùng để đựng áo mưa, bộ mưa khi bán hàng cho các khách hàng nhiều chủng loại mặt hàng với số lượng ít.

+ Bao dứa: dùng để đóng gói nhiều chủng loại áo mưa khác nhau để gửi cho các khách hàng ở xa, trong những trường hợp thuê vận chuyển ngoài. Đóng gói tất cả các mặt hàng mà khách hàng đặt mua vào cùng một bao dứa, niêm phong cẩn thận để tránh thất thoát trong vận chuyển. Trường hợp Công ty tự vận chuyển, nhân viên bán hàng không sử dụng bao dứa mà sẽ yêu cầu nhân viên vận chuyển chứa hàng trực tiếp trong xe của Công ty.

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 152: Nguyên vật liệu
- Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường

2.2.1.4. Chứng từ sử dụng:

- ✓ Phiếu nhập kho
- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Biên bản kiểm hàng.....

2.2.1.5. Phương pháp đánh giá nguyên vật liệu**a) Đánh giá nguyên vật liệu nhập kho:**

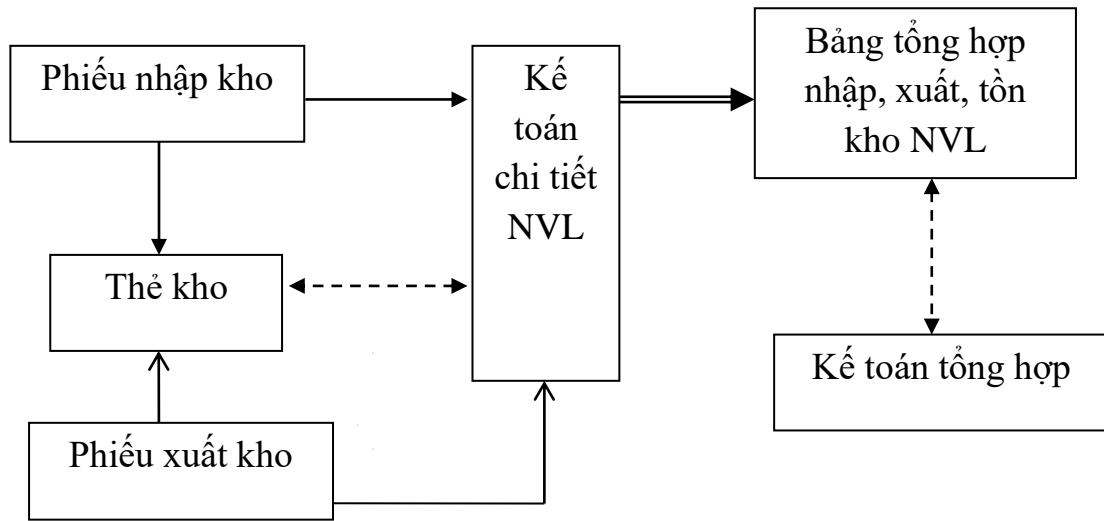
- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị} & & & \text{Các} & \text{CKTM,} \\ \text{nguyên vật} & & \text{Giá mua} & \text{khoản thuế} & \text{Giảm} \\ \text{liệu thực tế} & = & \text{ghi trên} & \text{không được} & \text{giá hàng} \\ \text{nhập kho} & & \text{hóa đơn} & \text{hoàn lại} & \text{mua} \\ & & + & \text{Chi phí} & \\ & & & \text{thu mua} & \\ & & & + & \end{array}$$

b) Đánh giá nguyên vật liệu xuất kho:

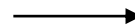
Tại công ty, giá nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước(FIFO). Theo phương pháp này nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới dùng tới số nhập sau. Xuất nguyên liệu của lần nhập nào thì lấy đơn giá của lần nhập đó. Phương pháp này giúp công tác hạch toán thống nhất theo trình tự thời gian, phù hợp với hình thức ghi sổ và đặc điểm ngành nghề của công ty, cho phép kế toán tính giá nguyên vật liệu xuất kho một cách kịp thời, chính xác.

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú :

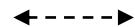
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



➤ **Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:**

➤ **Ví dụ 1:**

Ngày 6/11/2016 xuất 73.520 m nhựa PVC phục vụ sản xuất

Tồn đầu kỳ: Số lượng 29.150m, thành tiền 622.352.500 đồng.

Nhập trong kỳ:

- Ngày 2/11/2016 nhập 60.930m nhựa PVC, giá 21.870 đ/m
⇒ Trị giá nhập: $60.930 \times 21.870 = 1.332.539.100$ (đồng)
- Ngày 6/11/2016: Xuất 73.520m nhựa PVC phục vụ sản xuất
⇒ Trị giá xuất: $622.352.500 + 44.370 \times 21.870 = 1.592.724.400$ (đồng)

Kế toán định khoản:

NỢ TK 621 : 1.592.724.400

CÓ TK 152: 1.592.724.400

Ngày 12/11/2016: nhập 40.000m nhựa PVC. Đơn giá mua là: 21.920 đ/m (chưa bao gồm VAT 10%). Đã thanh toán hết bằng Tiền gửi ngân hàng.

NỢ TK 621 : 876.800.000

NỢ TK 133 : 87.680.000

CÓ TK 112: 964.480.000

➤ **VÍ DỤ 2:**

Ngày 07/11/2016: Xuất 45.740m nhựa PU phục vụ sản xuất.

Tồn đầu kỳ: Số lượng 13.260m thành tiền 339.058.200 đồng.

Nhập trong kỳ:

- Ngày 1/11/2016: Nhập 54.200m, giá 25.450 đ/m
⇒ Trị giá nhập : $54.200 \times 25.450 = 1.379.300.000$ (đồng)
- Ngày 07/11/2016: Xuất 45.740m nhựa PU phục vụ sản xuất
⇒ Trị giá xuất kho: $339.058.200 + 32.480 \times 25.450 = 1.165.674.200$ (đồng)

Kế toán định khoản:

NỢ TK 621 : 1.165.674.200

CÓ TK 152: 1.165.674.200

Ngày 8/11/2016: Nhập 32.900m nhựa PU. Đơn giá mua là: 25.300đ/m (chưa bao gồm VAT 10%) , chưa thanh toán cho người bán.

NỢ TK 621 : 832.370.000

NỢ TK 133 : 83.237.000

CÓ TK 331 : 915.607.000

Bảng 2.1. Phiếu xuất kho

Công ty Cổ phần sản xuất và thương
mại Sơn Thủy

Mẫu số 02 - VT

Số 136/2 Quang Trung, Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 11 năm 2016

Số: 915

Nợ: 621

Có: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Vũ Quốc Huy

Địa chỉ (bộ phận):

- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ sản xuất

- Xuất tại kho : Công ty

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ,	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Nhựa PVC		m	29.150	29.150	21.350	622.352.500
			m	44.370	44.370	21.870	970.371.900
	Cộng			73.520	73.520		1.592.724.400

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một tỉ năm trăm chín mươi hai triệu bảy trăm
hay mười tư nghìn bốn trăm đồng chẵn/

Xuất, Ngày 06 tháng 11 năm 2016

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn Phòng kế toán Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.2. Phiếu xuất kho

Công ty Cổ phần sản xuất và thương
mại Sơn Thủy

Mẫu số 02 - VT

Số 136/2 Quang Trung, Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07 tháng 11 năm 2016

Số: 918

Nợ: 621

Có: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Đỗ Bích Ngọc Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ sản xuất
- Xuất tại kho : Công ty

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ,	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Nhựa PU		m	13.260	13.260	25.570	339.058.200
			m	32.480	32.480	25.450	826.616.000
	Cộng			45.740	45.740		1.165.674.200

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một tỉ một trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn hai trăm đồng chẵn/

Xuất, Ngày 07 tháng 11 năm 2016

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn Phòng kế toán Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.3. Trích hóa đơn GTGT ngày 08/11/2016

HÓA ĐƠN		Mẫu số : 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu : AA/15P			
(Liên 2 : Giao cho khách hàng)		Số : 0025632			
Ngày 08 tháng 11 năm 2016					
Đơn vị bán hàng : Công ty cổ phần phát triển Phương Nam					
Mã số thuế : 0201744665					
Địa chỉ : 48 Thiên Lôì – Lê Chân – Hải Phòng					
Điện thoại : 0313625112					
Số tài khoản : 19025348444011 tại NH Techcombank – CN TP Hải Phòng					
Đơn vị mua hàng : Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy					
Mã số thuế : 0200584602					
Địa chỉ : Số 136/2 đường Quang Trung, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại : 0313839237 – 0313571019					
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản					
Số tài khoản : 1300728965368					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nhựa PU	m	32.900	25.300	832.370.000
Cộng tiền hàng					832.370.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			83.237.000
Tổng cộng tiền thanh toán					915.607.000
Số tiền viết bằng chữ : Chín trăm mười năm triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng chẵn/					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(nguồn: phòng kế toán công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.4. Trích hóa đơn GTGT ngày 12/11/2016

HÓA ĐƠN		Mẫu số : 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu : AA/15P			
(Liên 2 : Giao cho khách hàng)		Số : 0005635			
Ngày 12 tháng 11 năm 2016					
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Thu Hương					
Mã số thuế : 0200575033					
Địa chỉ : 32 Trần Văn Lan- Cát Bi- Hải An- Hải Phòng					
Điện thoại : 031313686872					
Số tài khoản : 25306666868 tại NH Saccombank – CN TP Hải Phòng					
Đơn vị mua hàng : Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy					
Mã số thuế : 0200584602					
Địa chỉ : Số 136/2 đường Quang Trung, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại : 0313839237 –0313571019					
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản					
Số tài khoản : 1300728965368					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nhựa PVC	M	40.000	21.920	876.800.000
Cộng tiền hàng					876.800.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			87.680.000
Tổng cộng tiền thanh toán					964.480.000
Số tiền viết bằng chữ : Chín trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn/					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(nguồn: phòng kế toán công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.5. Phiếu nhập kho ngày 08/11/2016

Công ty Cổ phần sản xuất và thương
mại Sơn Thủy

Mẫu số 01 - VT

Số 136/2 Quang Trung, Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO**Số 911**

Ngày 08 tháng 11 năm 2016

Họ tên người bán: Công ty CP phát triển Phương Nam Nhập tại kho: Kho
NVL

Địa chỉ: 48 Thiên Lô - Lê Chân - Hải Phòng

Số HD: 0025632

Ngày 08/11/2016

Người giao hàng: Đặng Quang Huy

Diễn giải: Mua nhựa PU

Tên, quy cách VT	Mã vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Nhựa PU		m	32.900	25.300	832.370.000
Tổng					832.370.000

Số tiền bằng chữ: Tám trăm ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng
chẵn/

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(nguồn: phòng kế toán công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.6. Phiếu nhập kho ngày 12/11/2016

Công ty Cổ phần sản xuất và thương

Mẫu số 01 - VT

mại Sơn Thủy

Số 136/2 Quang Trung, Phan Bội (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO**Số 916**

Ngày 12 tháng 11 năm 2016

Họ tên người bán: Công ty TNHH Thu Hương Nhập tại kho: Kho NVL

Địa chỉ: 32 Trần Văn Lan- Cát Bi- Hải An- Hải Phòng

Số HĐ: 0005635

Ngày 12/11/2016

Người giao hàng: Vũ Văn Biễn

Diễn giải : Mua nhựa PVC

Tên, quy cách VT	Mã vật tư	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Nhựa PVC		m	40.000	21.920	876.800.000
Tổng					876.800.000

Số tiền bằng chữ: Tám trăm bảy sáu triệu tám trăm nghìn đồng chẵn/

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

(nguồn: phòng kế toán công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.7. Thẻ kho

Công ty Cổ phần sản xuất và thương
mại Sơn Thủy

Mẫu số S12 - DN

Số 136/2 Quang Trung, Phan Bội
Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Tên nguyên vật liệu: Nhựa PVC

Tháng 11/2016

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng		
SH	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn
C	D	E	1	2	3
		SĐĐK			<u>29.150</u>
		SPS			
PN909	02/11	Nhập kho NVL	60.930		90.080
PX 915	06/11	Xuất kho phục vụ sản xuất		73.520	16.560
PN 916	12/11	Nhập kho NVL	40.000		56.560
				
		Cộng	102.500	74.620	
		Tồn cuối kỳ			<u>57.030</u>

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(nguồn phòng kế toán công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.8. Thẻ kho

Công ty Cổ phần sản xuất và thương
mại Sơn Thủy

Mẫu số S12 - DN

Số 136/2 Quang Trung, Phan Bội
Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Tên nguyên vật liệu: Nhựa PU

Tháng 11/2016

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng		
SH	Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn
C	D	E	1	2	3
		SĐĐK			<u>13.260</u>
		SPS			
PN901	01/11	Nhập kho NVL	54.200		67.460
PX 918	07/11	Xuất kho phục vụ sản xuất		45.740	21.720
PN 911	08/11	Nhập kho NVL	32.900		54.620
				
		Cộng	97.350	52.310	
		Tồn cuối kỳ			<u>58.300</u>

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(nguồn phòng kế toán công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.9. Sổ chi tiết nguyên liệu**SỔ CHI TIẾT VẬT LIÊU**

Tháng 11 năm 2016

Tên , quy cách vật liệu: Nhựa PVC

Tài khoản : 152

Tại kho: Kho 01 Đơn vị: m

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SDDK		21.350					29.150	622.352.500
....
PN909	02/11	Nhập Nhựa PVC	331	21.870	60.930	1.332.539.100			90.080	1.954.891.600
PX913	06/11	Xuất Nhựa PVC	621	21.350 21.870			29.150 44.370	622.352.500 970.371.900	68.730 24.360	683.453.000 245.157.000
PN916	12/11	Nhập Nhựa PVC	112	21.920	40.000	876.800.000			64.360	1.121.957.000
....
		Công SPS			102.500	2.917.980.000	74.620	1.730.780.500		
		Số dư cuối kỳ							57.030	1.809.552.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(nguồn phòng kế toán của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.10. Sổ chi tiết nguyên liệu**SỔ CHI TIẾT VẬT LIÊU**

Tháng 11 năm 2016

Tên , quy cách vật liệu: Nhựa PU

Tài khoản : 152 Tại kho: Kho 01 Đơn vị: m

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SDDK		25.570					13.260	339.058.200
PN901	01/11	Nhập Nhựa PU	331	25.450	54.200	1.379.300.000			67.460	1.718.358.200
PX918	07/11	Xuất Nhựa PU	621	25.570 25.450			13.260 32.480	339.058.200 826.616.000	54.200 21.720	1.379.300.000 552.684.000
PN 911	08/11	Nhập Nhựa PU	331	25.300	32.900	832.370.000			54.620	1.385.054.000
....
		Công SPS			97.350	2.472.690.000	52.310	1.333.905.000		
		Số dư cuối kỳ							58.300	1.477.843.200

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(nguồn phòng kế toán của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.11. Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIÊU**

TÀI KHOẢN: 152

Tháng 11 năm 2016

STT	Tên vật tư	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		SL	TT	S.L	TT	SL	TT	SL	TT
1	Nhựa PVC (m)	29.150	622.352.500	102.500	2.917.980.000	74.620	1.730.780.500	57.030	1.809.552.000
2	Nhựa PU (m)	13.260	339.058.200	97.350	2.472.690.000	52.310	1.333.905.000	58.300	1.477.843.200

	Cộng		1.410.700.000		5.790.825.000		3.267.790.000		3.933.735.000

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công Ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy

Công ty hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này ghi chép, phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình nhập- xuất-tồn kho các loại vật liệu trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp trên cơ sở các chứng từ nhập xuất. Như vậy việc xác định giá trị vật liệu xuất dùng được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho sau khi đã được tập hợp, phân loại theo đối tượng sử dụng để ghi vào các tài khoản và sổ kế toán.

Phương pháp này tuy khá phức tạp, mất nhiều thời gian và gian và ghi chép nhiều vào sổ sách nhưng lại phản ánh chính xác giá trị vật liệu sau mỗi lần xuất. Hơn nữa, giá trị nguyên vật liệu tồn kho trên tài khoản và sổ kế toán có thể xác định được ở bất cứ thời điểm nào trong lý kế toán.

a. Chứng từ sử dụng :

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho
- Hóa đơn cước phí vận chuyển

Các chứng từ bắt buộc phải được lập kịp thời đúng mẫu quy định và đầy đủ các yếu tố nhằm đảm bảo tính pháp lý khi ghi sổ kế toán. Mọi chứng từ kế toán về nguyên vật liệu phải được tổ chức luân chuyển theo trình tự và thời gian hợp lý.

b. Tài khoản sử dụng:

-Tài khoản 152 (Nguyên liệu, vật liệu): Tài khoản này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp theo trị giá vốn thực tế.

➤ Tài khoản 152(Nguyên liệu vật liệu) có 6 tài khoản cấp 2:

TK 1521: Nguyên vật liệu chính

TK 1522: Nguyên vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

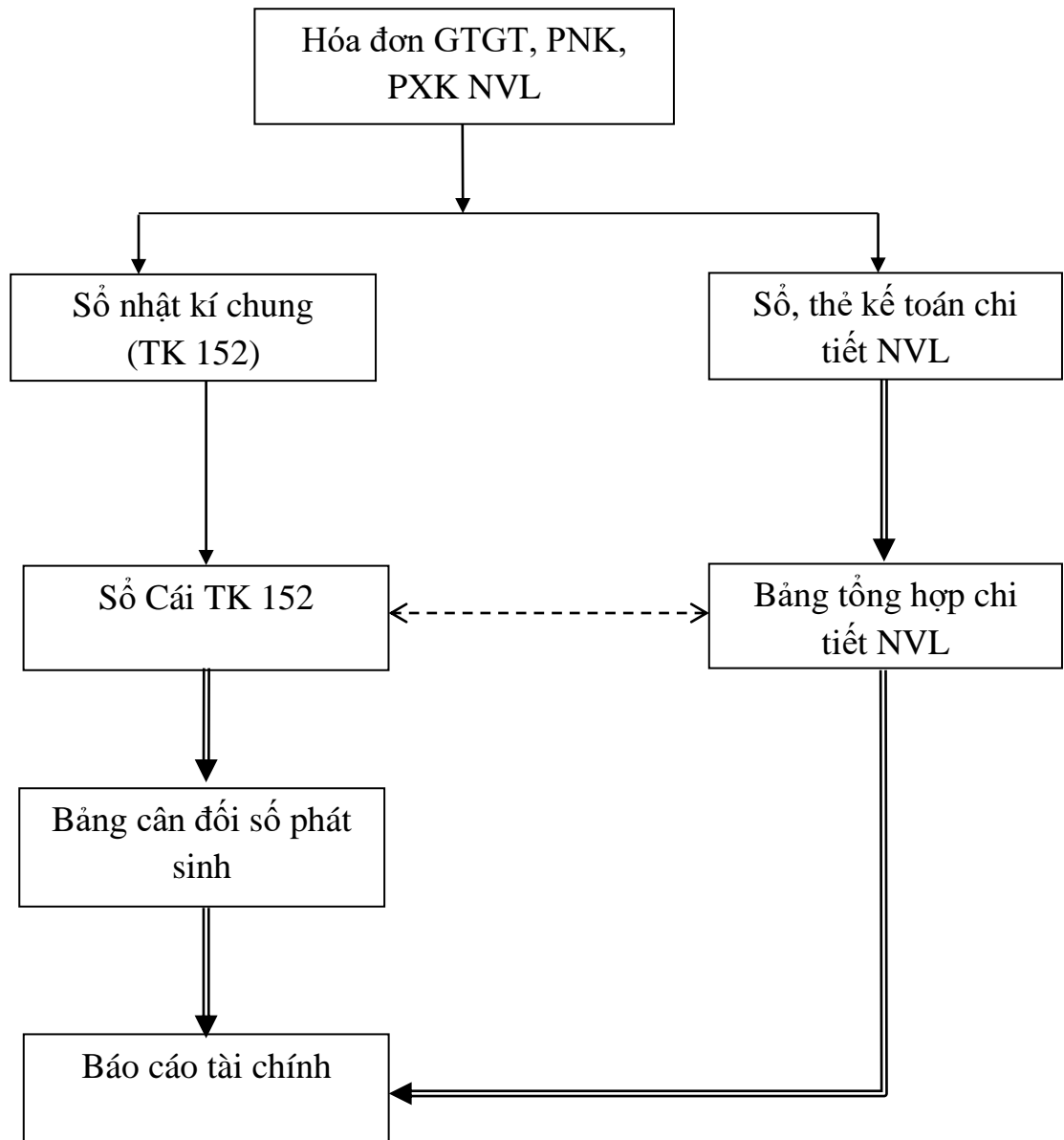
TK 1526: Thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528: Vật liệu khác

- Tài khoản 151 (Hàng mua đang đi đường): Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên vật liệu đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho.

- Ngoài các tài khoản chủ yếu ở trên, còn sử dụng một số tài khoản khác như: TK 331, 111, 112, 133, 141, 411....

Sơ đồ 2.5: Theo hình thức kế toán nhật kí chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu $\langle\text{---}\rangle$

Bảng 2.12. Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: công ty Cổ phần sản xuất và

Thương mại Sơn Thủy

Địa chỉ: Số 136/2 Quang Trung,

Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PX915	06/11/2016	Xuất nhựa PVC phục vụ sản xuất	621 152	1.592.724.400	1.592.724.400
PX918	07/11/2016	Xuất nhựa PU phục vụ sản xuất	621 152	1.165.674.200	1.165.674.200
HD 0025632 PN911	08/11/2016	Mua NVL chưa thanh toán	152 133 331	832.370.000 83.237.000	915.607.000
HD 0025635 PN916	12/11/2016	Mua NVL thanh toán bằng chuyển khoản	152 133 112	876.800.000 87.680.000	964.480.000
.....
		Cộng phát sinh		256.378.112.532	256.378.112.532

Ngày 30/11/2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

Bảng 2.12. Sổ cái 152**SỔ CÁI**

Tài khoản : 152- Nguyên vật liệu

ĐVT: đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		<u>1.410.700.000</u>	
.....
PX915	06/11/2016	Xuất nhựa PVC phục vụ sản xuất	621		1.592.724.400
PX918	07/11/2016	Xuất nhựa PU phục vụ sản xuất	621		1.165.674.200
HĐ 0025632 PN911	08/11/2016	Mua NVL chưa thanh toán cho người bán	331	832.370.000	
.....
HĐ 0025635 PN916	12/11/2016	Mua NVL thanh toán bằng TGNH	112	876.800.000	
.....
		Cộng số phát sinh		5.790.825.000	3.267.790.000
		Số dư cuối kỳ		<u>3.933.735.000</u>	

Ngày 30/11/2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty sản xuất và thương mại Sơn Thủy)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG
MẠI SƠN THỦY****3.1. Đánh giá chung về công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty**

Qua cái nhìn tổng quan về doanh nghiệp, có thể nhận thấy Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy thực hiện kế toán nguyên vật liệu thường xuyên, đầy đủ, theo đúng quy định của luật pháp và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Từ một cơ sở SX nhỏ được thành lập từ năm 1992, nhưng từ khi bước vào SX, Sơn Thủy đã chú trọng ngay tới SP chất lượng cao. Thành lập Công ty năm 2004, hiện nay Công ty đã có những máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện đại của Đài loan, Trung quốc... Với những công nhân viên có tay nghề cao, gắn bó với sự nghiệp của công ty gần 20 năm qua, cùng với hệ thống thiết kế chuyên nghiệp, quản lý chất lượng chặt chẽ, hiện nay trong ngành SX áo mưa tại Việt nam, áo mưa SƠN THỦY là một trong những thương hiệu nổi tiếng được người tiêu dùng tín nhiệm.

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận công tác kế toán thực tế tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với việc liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy có những ưu nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm

Cùng với sự phát triển của công ty, ban lãnh đạo không ngừng nâng cao phương thức quản lý, mở rộng thị trường kinh doanh, đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên và góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước.

➤ ***Về tổ chức bộ máy kế toán:***

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Việc lựa chọn mô hình này là hợp lý và phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị. Toàn bộ công tác kế toán trong DN được tiến hành tập trung tại phòng kế toán DN, tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, đồng thời nâng cao trách nhiệm của Phòng kế toán trong việc hạch toán nói chung và hạch toán kế toán chi phí kinh doanh nói riêng.

Bộ máy kế toán của Công ty đơn giản, gọn nhẹ, chỉ bao gồm 4 nhân viên kế toán nhưng được phân chia rõ trách nhiệm từng người trong công tác kế toán, phát huy năng lực của từng kế toán viên, đảm bảo chuyên môn hóa từng phần hành kế toán.

➤ ***Về tổ chức hệ thống thông tin kế toán***

• ***Tổ chức hạch toán ban đầu***

Hệ thống chứng từ ban đầu của Công ty được tổ chức hợp pháp, hợp lý và theo đúng TT 200/2014-BTC, phản ánh trung thực và chính xác các nghiệp vụ kinh tế, tạo điều kiện cho việc ghi sổ và đối chiếu kiểm tra. Đối với các chứng từ bắt buộc (Phiếu thu, Phiếu chi, Hóa đơn GTGT) Công ty đều áp dụng theo đúng mẫu do Bộ Tài chính ban hành, cùng với các chứng từ Công ty tự lập, sao lưu chứng từ cẩn thận, chính xác số liệu phát sinh là tiền đề cho những khâu sau để có được Báo cáo tài chính trung thực.

Bộ chứng từ được Phòng kế toán sắp xếp theo trình tự ngày tháng trên chứng từ, thuận tiện cho việc kiểm soát chi kinh doanh phát sinh, Ban giám đốc có thể có những cuộc kiểm tra bất ngờ những chứng từ liên quan, đảm bảo không bỏ sót nghiệp vụ kinh tế.

• ***Tổ chức hệ thống sổ kế toán***

Công sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, hoàn toàn phù hợp với tổ chức bộ máy kế toán, đồng thời phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Hình thức này tiết kiệm nhân lực Phòng kế toán mà vẫn đảm bảo việc hạch toán nhanh chóng, chính xác, tiện theo dõi và cung cấp số liệu về chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Các mẫu sổ mà Công ty sử dụng trong kế toán bao gồm Sổ cái, Sổ chi tiết, Bảng cân đối số phát sinh đều được áp dụng đúng mẫu quy định của Bộ tài chính, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí kinh doanh trong quá trình hoạt động của Công ty.

- *Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính:*

Công ty lập đủ 4 loại báo cáo theo TT 200/2014-BTC vào cuối mỗi năm tài chính và nộp đúng kỳ hạn theo quy định. Các khoản mục trên các báo cáo thống nhất với nhau về trình tự thời gian các nghiệp vụ phát sinh và số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, cung cấp thông tin cho những đối tượng bên trong và bên ngoài DN.

➤ *Về tình hình kế toán nguyên vật liệu:*

Công ty đã xây dựng các kế hoạch về cung ứng NVL cho các phân xưởng sản xuất đảm bảo cho quá trình sản xuất được tiến hành liên tục và đạt hiệu quả cao. Công ty chủ động tìm các nguồn cung ứng NVL phù hợp với yêu cầu trong kế hoạch mua sắm trong kỳ sao cho chi phí thấp nhất mà vẫn đảm bảo được các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm. Công ty đã đảm bảo được lượng dự trữ tối thiểu cần thiết và lượng dự trữ bảo hiểm hợp lý để sản xuất được tiến hành liên tục và ổn định trong mọi điều kiện khó khăn bất lợi nhất.

Công tác tiếp nhận nguyên vật liệu tại phân xưởng khá đơn giản và tương đối thuận tiện, các thủ tục hành chính không quá rườm rà.

Công tác thu hồi phế liệu, phế phẩm được công nhân viên sử dụng NVL nghiêm túc thực hiện tốt việc thu hồi cho dù đó là phế liệu dùng lại hay không dùng lại được, rồi tiến hành tái chế sử dụng lại nguồn phế liệu phế phẩm đó. Chính việc thu hồi phế liệu, phế phẩm được chú trọng như vậy nên công ty cũng đã tiết kiệm được một khối lượng NVL lớn giúp cho quá trình sản xuất sản phẩm đạt hiệu quả hơn.

3.1.2. Những mặt hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế cần phải khắc phục trong thời gian tới.

- ***Về tổ chức bộ máy kế toán:***

Hiện nay, Công ty đang trong thời gian xây dựng thêm xưởng sản xuất mới với diện tích lớn gấp ba lần xưởng sản xuất hiện tại. Bộ máy kế toán của Công ty chỉ có 4 nhân viên kế toán tuy là tiết kiệm nhân lực tới thời điểm hiện tại nhưng trong thời gian tới, khi quy mô Công ty được mở rộng thì công việc mỗi nhân viên kế toán phải đảm nhận sẽ nhiều hơn và dễ xảy ra sai sót trong hạch toán.

- ***Về hệ thống tài khoản kế toán:***

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sơn Thủy luôn có các nghiệp vụ bán hàng diễn ra liên tục, khách hàng mua hàng với số lượng lớn và khoản nợ phải thu khách hàng là không nhỏ. Điều này dẫn đến rất khó tránh khỏi rủi ro khách hàng trả nợ không đúng hạn hoặc không trả nợ. Bởi vậy, việc lập dự phòng phải thu khó đòi là rất cần thiết, đảm bảo đúng nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

- ***Về tình hình nguyên vật liệu:***

Do xưởng sản xuất nằm trên địa bàn tương đối thuận lợi về mặt giao thông, thêm vào đó các loại nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm lại được bán rất nhiều trên thị trường nên quá trình nghiên cứu thị trường còn chưa được thực hiện nghiêm túc, luôn có tư tưởng “cần là có” nên chưa chú trọng đến việc cải tiến và thay thế NVL trong quá trình sản xuất sản phẩm.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần áo mưa Sơn Thủy

3.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu

Sổ danh điểm nguyên vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu sản xuất, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm nguyên vật liệu có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Hiện nay công ty không có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại hàng hóa. Việc không lập sổ danh điểm nguyên vật liệu sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý. Việc quản lý có thể sẽ có nhầm lẫn, thiếu thống nhất và rất khó để phân biệt các nhóm, loại hàng hóa.

Xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu, giúp cho việc quản lý từng loại nguyên vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn kho. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số liệu vào máy tính và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý trong công ty sẽ được chặt chẽ, thống nhất, khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã hàng hóa chính xác, đầy đủ không trùng lặp. Công ty cần thực hiện theo những nguyên tắc sau:

+ Mã hóa nguyên vật liệu theo cách phân loại ban đầu, xây dựng hệ thống mã phân cấp, mã gồm nhiều trường trong đó trường tận cùng bên trái mang đặc trưng chủ yếu nhất.

Bảng 3.1: Sổ danh điểm vật liệu

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Ký hiệu nhóm	Mã hàng hóa	Tên vật liệu	Đơn vị tính
1521.01...	PVC	Nhựa PVC	M
1521.02...	PU	Nhựa PU	M
1522.01...	PHAM01	Phẩm màu tự nhiên	Kg
1522.02...	PHAM02	Phẩm màu nhân tạo	Kg
1522.03...	KED	Keo dán	Kg
1522.04...	MUC	Mực in logo	Kg
1522.05...	DAY	Dây sợi	M

3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban hay từ người này sang người khác. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu để xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm, giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, nhân viên đối với việc quản lý chứng từ.

Bảng 3.2. Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày tháng		Người nhận	Người giao

3.4. Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán

Việc công ty áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán có những ưu điểm sau:

- Giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán.
- Tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty
- Tạo điều kiện cho công ty dễ dàng kiểm soát các thông tin về tài chính kế toán.

- Các thông tin được xử lý nhanh chóng, kịp thời, có độ chính xác cao.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về kết quả hoạt động của công ty được liên hoàn, hệ thống hóa, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác nhau đồng thời lưu trữ thông tin theo yêu cầu của Nhà nước.
- Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng được nhất quán trong toàn công ty giúp cho việc hệ thống sổ sách chứng từ nhanh chóng, đạt hiệu quả cao.
- Thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao. Đồng thời tạo nên sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay

Phần mềm kế toán MISA

***Ưu điểm**

+ Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, cho phép cập nhập dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 1 phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

+ Đặc biệt, phần mềm kế toán cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

+ Đặc điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được , đó là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.

+ Tính chính xác: Số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường, điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

+ Tính bảo mật: Vì MISA chạy công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSQL SQL. NEThầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSQL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

**Nhược điểm*

+ Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

+ Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

+ Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

+ Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.



(Nguồn: misa.com.vn)

Phần mềm kế toán Fast Accounting***Ưu điểm**

+ Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, Fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

+ Tốc độ xử lý nhanh.

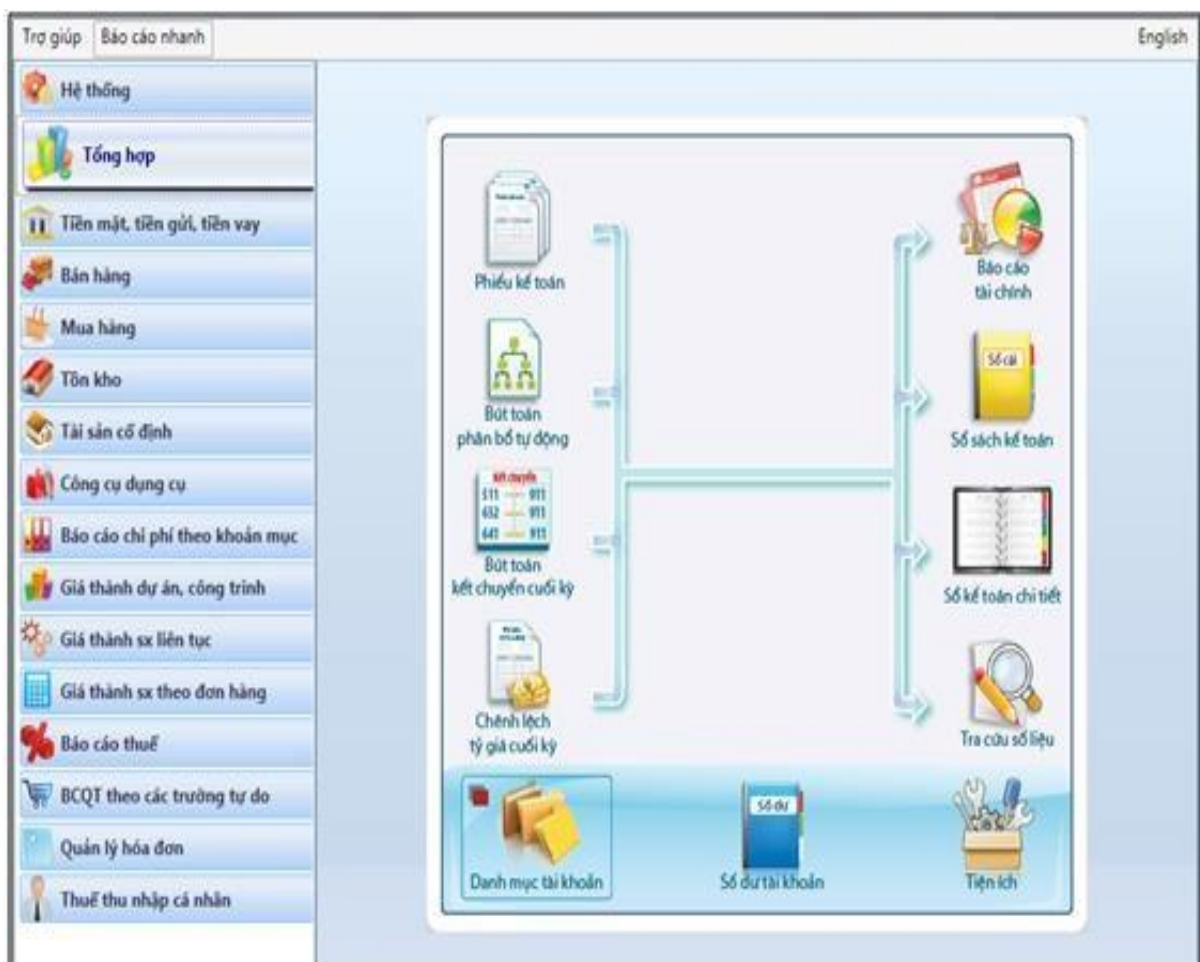
+ Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

***Nhược điểm**

+ Tính bảo mật chưa cao

+ Trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ

+ Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.



(Nguồn: fast.com.vn)

Các phần mềm: Bravo, Comac, Vietaccount2007...***Ưu điểm:**

Các phần mềm này đều giống nhau về quy trình xử lý số liệu, cơ sở dữ liệu (Visual fox), chỉ khác nhau về giao diện.

- + Giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành.
- + Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tốt hơn so với MISA.

***Nhược điểm:**

- + Mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán chưa cập nhật sát chế độ kế toán
- + Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi.

Theo ý kiến của em, công ty nên chọn phần mềm MISA SME.NET 2016 vì đây là phần mềm có tính năng rất phù hợp với công ty và giá cả hợp lý.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2016 gồm 16 phân hệ được thiết kế dành cho những doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều về chi phí mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2016 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất kỳ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

KẾT LUẬN

Thông tin kế toán rất là cần thiết cho nhà quản lý đề ra các chiến lược và quyết định kinh doanh. Nếu thông tin kế toán sai lệch sẽ dẫn đến các quyết định của nhà quản trị không phù hợp, doanh nghiệp có thể rơi vào tình trạng khó khăn. Do vậy, một bộ máy kế toán mạnh, sổ sách kế toán rõ ràng, phân tích thấu đáo sẽ giúp cho người điều hành đưa ra các quyết định kinh doanh đạt hiệu quả. Mặt khác, sổ sách rõ ràng thì việc quyết toán về thuế đối với cơ quan chức năng sẽ mau lẹ, giúp tiết kiệm thời gian, tạo điều kiện tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty CP áo mưa Sơn Thủy vẫn tiếp tục trong quá trình phát triển, mở rộng quy mô sản xuất. Vì vậy, thông tin kế toán càng chi tiết, rõ ràng sẽ càng giúp cho ban giám đốc hiểu rõ hơn về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Từ đó đưa ra được những quyết định đúng đắn nhằm đưa công ty phát triển ổn định, bền vững. Hơn thế nữa thông qua các thông tin kế toán có được ban giám đốc sẽ có những biện pháp thích hợp để tổ chức lại công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty mình.

Trong thời gian thực tập em đã nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình từ phía nhà trường, ban lãnh đạo cũng như các anh chị ở phòng kế toán của công ty. Em xin gửi lời biết ơn chân thành đến các thầy cô trong khoa, cô Nguyễn Thị Thúy Hồng đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các anh chị ở phòng kế toán đã giúp em hoàn thành báo cáo này. Tuy nhiên, do trình độ và thời gian có hạn nên không tránh khỏi sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô và tập thể phòng Kế toán của công ty để em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!